

Phan Thanh Giản



HUỆ KHẢI

huệ khải
PHAN THANH GIẢN
xưa và nay

PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY

ISBN: 978-604-89-5461-1



Sách ấn tổng. Không bán.

NXB HỒNG ĐỨC



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHAN THANH GIẢN
XƯA VÀ NAY



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

Quyển 119-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

PHAN THANH GIẢN
XƯA VÀ NAY

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2018



Ấn tổng lần thứ nhất 2.500 quyển,
do môn sanh Chiếu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho)
chung tay công quả pháp thí, gồm có:

- * Đạo hữu **LÊ THÁI THỨC** (10 triệu đồng, đợt 72, 83).
- * Đạo hữu **NGUYỄN LÂM SƠN THỦY** (10 triệu đồng, đợt 82).
- * Đạo hữu **THANH CHƠN** (5 triệu đồng, đợt 68).

Đồng kính thành hồi hướng cửu huyền thất tổ,
hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng *KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán* bất kỳ
kinh sách nào do Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh
Sách Đại Đạo thực hiện. Để thỉnh các ấn phẩm chánh thức
(kính biếu), trân trọng kính mời quý vị gửi thư về
daidaovanuyen@gmail.com.

Kinh sách được ấn tổng để kính biếu rộng rãi là nhờ có
biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa
gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân
trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật
tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu
hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

BAN ẤN TỔNG

NỘI DUNG

Giao Cảm	7
PHAN THANH GIẢN XƯA	9
1. NIÊN BIỂU VỀ PHAN THANH GIẢN	10
2. ĐỨC ĐỘ NGÀI PHAN THANH GIẢN	21
- Thăm Võ tiên sanh (thầy cũ)	22
- Vác giáo ra trận	25
- Vì việc nước không rẽ về nhà thăm cha	25
- Bị chặn ghe ở đồn Ba Lai	26
- Hòa hảo với xóm giềng	27
- Sui gia không lạy nhau	27
- Bị ngọn tre quệt rách áo, trầy da	28
- Đang để tang cha, không gần vợ	29
- Một lòng thương dân	29
- Không để thương khách Trung Quốc hối lộ	31
- Quý trọng bạn cũ thanh bần	31
- Mười nén vàng giấu trong mười gói trà	33
- Xử kiện ở Châu Đốc	33
- Sửa lỗi sai của vợ	34
- Cả nhà đạo đức	36
- Quân tử yêu hoa quý	37

PHAN THANH GIẢN NAY 39

Thánh giáo Đức Phan Chơn Thánh ở miền Trung	
1. CỔ ĐỘNG NÔNG VIỆN	41
(Đà Nẵng, 1939)	
* Suy Niệm 1	50
2. NÊN QUÊN MÌNH XẢ THÂN CẦU ĐẠO	61
(Đà Nẵng, 1945)	
* Suy Niệm 2	65
3. PHẢI HOÀN TOÀN CÁI DANH TU NIỆM	75
(Phú Yên, 1956)	
* Suy Niệm 3	78
Thánh giáo Đức Phan Chơn Thánh ở miền Nam	
4. HÃY TÌM ĐẠO LÝ Ở TÌNH THƯƠNG	85
(Vĩnh Long, 1966)	
* Suy Niệm 4	91
5. ĐI VỀ ĐÂU VIỆT NAM ƠI!	97
(Vĩnh Long, 1971)	
* Suy Niệm 5	108
6. HÃY TRỞ VỀ TRUYỀN THỐNG CHA ÔNG	117
(Vĩnh Bình, 1972)	
* Suy Niệm 6	122

GIAO CẢM

Có một thời mà “tất cả các con đường, các ngôi trường mang tên Phan Thanh Giản cũng như các pho tượng cụ Phan đều bị xóa bỏ. Đau lòng bao người hằng kính trọng cụ Phan. Đau lòng dân Vĩnh Long, nơi cụ được thờ trong Văn Thánh Miếu của tỉnh. Đau lòng dân Bến Tre, nơi sinh cụ Phan, cũng là nơi có đông đảo tín đồ Cao Đài, một tôn giáo mà Đức Thánh Phan Thanh Giản nhiều lần giảng cơ dạy đạo, ban truyền thánh giáo...”⁽¹⁾

Thực vậy, danh thần Phan Thanh Giản triều Nguyễn ngày xưa chính là một đấng Chơn Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay. Mấy hậu sanh nào đó có kết án hiền hơn buổi trước thế nào mặc lòng, riêng đối với những người con áo trắng Cao Đài thì tự thân sự kiện ngài Phan được Đức Chí Tôn ban phong quả vị Chơn Thánh đã mặc nhiên chiêu tuyết cho tất cả những gì tạm gọi là trăm năm thị phi giữa chốn sa bà.

Tại Minh Đức Tu Viện (Bãi Dâu, Vũng Tàu), ngày 01-02 Tân Dậu (Thứ Sáu 06-3-1981), Đức Đại Tiên Ngộ Minh Chiêu giảng cơ dạy:

“Thử nhìn lại lịch sử từ ngàn xưa, không có vị Phật

Tiên nào mà (...) không tròn bốn phận làm người hiếu trung vẹn về cả.”

Hơn một thập niên trước đó, tại Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự, đường Phan Thanh Giản, quận 10, Sài Gòn), ngày 01-5 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 15-6-1969), Đức Ni Sư Diệu Lộc giảng cơ dạy:

*“Từ cõi Thiên Đình hay Niết Bàn, Bồng Lai Tiên Cảnh đến cửa đạo đức, không một vị Phật Tiên Thánh Thần hay nhà lãnh giáo⁽²⁾ nào thiếu **trung, hiếu, tín, nghĩa, nhân, lễ, liêm, si** mà nên.”*

Quả như thế, hành trạng ngài Phan Thanh Giản chính là một tấm gương sáng về *trung, hiếu, tín, nghĩa, nhân, lễ, liêm, si*. Anh linh ngài khi đã về cõi thượng vẫn mang mẽ tình dân nghĩa nước, nên lại giáng trần, mượn ngọn linh cơ ngõ hầu trang trải tắc lòng, dắt dìu hậu bối để hai cõi sắc không cùng chung gánh vác sứ mạng Kỳ Ba được Đức Chí Tôn phó trao con Hồng cháu Lạc.

Một cách chưa đầy đủ, tập sách mỏng manh này được hình thành, gọi là thấp nén tâm hương vọng bái Đức Phan Thanh Giản, ôn lại đời đạo lý của ngài khi xưa và học hỏi thánh giáo của ngài hôm nay.

Nam mô Chơn Thánh Phan Thanh Giản.

Huệ Khải
16-9-2018

⁽¹⁾ Huệ Khải, “Người Học Trò Già Nơi Góc Biển”, in trong *Mỏng Mảnh Tơ Trời*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 72.

⁽²⁾ *lãnh giáo*: Vị lãnh đạo một tôn giáo (*religious leader*).

PHAN THANH GIẢN XƯA

Nói về Phan Thanh Giản Xưa, tôi trình bày giản lược sau đây hai nội dung:

1. *Niên Biểu Về Phan Thanh Giản*. Phần lớn các mốc năm tháng trong tiểu sử, các chức quan của ngài, tôi căn cứ theo sách ông Nguyễn Duy Oanh: *Phan Thanh Giản: Cuộc Đời & Tác Phẩm* (bản in tháng 8-2003 của tạp chí *Xưa & Nay* thuộc Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam liên kết Đại Học Hồng Bàng).

2. *Đức Độ Ngài Phan Thanh Giản*. Tôi trích nguyên văn một tích trong sách ông Nguyễn Văn Dần: *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí*. Sài Gòn: Imprimerie Việt, tháng 8-1925. Mười lăm tích khác, tôi trích nguyên văn trong sách ông Thái Hữu Võ: *Phan Thanh Giản Truyện*, Sài Gòn: Nhà in Xưa Nay, 1927.

3. Các ghi chú về việc đổi tên đường phố, tôi tham khảo sách ông Nguyễn Đình Tư: *Đường Phố Nội Thành TpHCM* (bản in tháng 12-1994).

4. Tôi biết ơn tất cả các vị khuyết danh đã có công sưu tập để tải lên Internet các *ảnh tài liệu* mà tôi in lại trong sách này. Tôi cảm ơn chị Bùi Thụy Đào Nguyên đã cho phép mượn ba ảnh màu chị chụp rất đẹp để làm phụ bản.

1. NIÊN BIỂU VỀ PHAN THANH GIẢN

LƯỢC GHI MỘT SỐ SỰ KIỆN NÊN BIẾT

1796: Phan Thanh Giản (PTG) chào đời giờ Thìn, ngày Thứ Năm 11-11-1796 (12-10 Bính Thìn), tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (sau đổi là làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị, huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị, tỉnh Vĩnh Long; nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Cha PTG là Phan Thanh Ngạn (1768-1842), mẹ là Lâm Thị Búp (1776-1802).

Mồ côi mẹ (1802), PTG được mẹ kế (Trần Thị Dưỡng) cho học chữ với nhà sư Nguyễn Văn Noa ở chùa Phú Ngãi.

1815: Cha bị vu cáo, phải ở tù một năm tại Vĩnh Long. Hằng ngày vào khám nuôi cha, PTG được quan Hiệp Trấn (tên là Lương) quý mến, giúp đỡ và khuyến học.

1816: Cha mãn tù. Theo lời khuyên của Hiệp Trấn Lương, PTG ở lại Vĩnh Long thọ giáo quan đốc học họ Võ (không biết tên). Bà quả phụ Nguyễn Thị Ân giúp PTG ăn học.

1825: PTG thi Hương tại trường thi Gia Định, đậu cử nhon.

1826: PTG thi Đình, đậu tiến sĩ trong số mười người. Nam Kỳ lần đầu tiên có tiến sĩ. PTG thọ chức *Hàn Lâm Viện Biên Tu*.

1827: PTG thọ chức *Hình Bộ Lang Trung*.

1828: PTG thọ chức *Tham Hiệp* tỉnh Quảng Bình.

1829: PTG làm thay (quyền nhiếp) chức *Tham Hiệp* tỉnh Nghệ An, rồi về Huế thọ chức *Phủ Doãn* tại Thừa Thiên.

1831: PTG thọ chức *Hiệp Trấn* tỉnh Quảng Nam. Vì dẹp loạn mà thua trận ở Chiên Đàn, PTG bị cách chức xuống làm *Tiền Quân Hiệu Lực* nhưng vẫn ở lại Quảng Nam.

1832: PTG thọ chức *Kiểm Thảo*, rồi làm *Hàn Lâm Kiểm Thảo* sung *Nội Các Hành Tấu*.

1833: PTG thọ chức *Hộ Bộ Viên Ngoại Lang*, quyền ấn phủ Thừa Thiên, rồi *Hồng Lô Tự Khanh*, làm *Phó Sứ* sang Trung Quốc.

1834: PTG thọ chức *Đại Lý Tự Khanh* ở Bộ Hình, sung *Cơ Mật Viện Đại Thần*.

1835: PTG thọ chức *Kinh lược* coi Trấn Tây (từ Hà Tiên tới Nam Vang). Khi trở về qua tỉnh Bình Thuận, PTG dẹp được loạn. PTG thọ chức *Bố Chánh* tỉnh Quảng Nam, hộ lý *Tuần Phủ Quan Phòng*.

1836: PTG dâng sớ can vua Minh Mạng tuần du Quảng Nam để dân chúng khỏi phải khổ nhọc. Vua sai Võ Duy Tân điều tra. Bởi vì Tân sàm tấu, PTG bị giáng chức, phải làm việc quét dọn công đường tỉnh Quảng Nam. Hai tháng sau, PTG thăng *Nội Các Thừa Chỉ*, rồi *Hộ Bộ Thị Lang*, sung *Cơ Mật Viện Đại Thần*.

1838: PTG ra Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa xem duyệt binh. Trở về triều, vì sơ sót việc đóng dấu, PTG bị giáng chức làm *Lang Trung Biện Lý Hộ Vụ*. PTG vào Chiên Đàn (Quảng Nam) coi khai mỏ vàng, rồi đi Thái Nguyên coi khai mỏ bạc.

1839: PTG về Huế, thọ chức *Phó Sứ Thông Chánh Ty*, rồi thăng *Hộ Bộ Thị Lang*.

1840: PTG làm *Phó Chủ Khảo* trường thi Thừa Thiên. Do sơ ý trong chấm thi, PTG bị giáng một cấp, sau thăng *Binh Bộ Thị Lang*.

1841: PTG thăng *Binh Bộ Tham Tri*, sung *Cơ Mật Viện Đại Thần*. PTG làm *Chánh Chủ Khảo* trường thi Hà Nội.

1848: PTG thọ chức *Lại Bộ Thượng Thư*.

1849: PTG thọ chức *Giảng Quan* ở Tòa Kinh Diên, rồi làm *Tả Kỳ Kinh lược Đại Sứ*.

1851: PTG thọ chức *Nam Kỳ Kinh lược Phó Sứ*, lãnh *Gia Định Tuần Vũ*.

1852: PTG được vua Tự Đức thưởng khánh vàng có bốn chữ: *Liêm Bình Cần Cẩn*. PTG xin trả bớt chức tước, chỉ giữ lại một, nhưng bị bác.

1853: PTG về Huế, thọ chức *Hiệp Biện Đại Học Sĩ*, lãnh *Binh Bộ Thượng Thư*.

1856: PTG làm *Chánh Tổng Tài* ở Quốc Sử Quán để soạn *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*.

1862: PTG cứu linh mục Gioakim Đặng Đức Tuấn (1806-1874) khỏi bị vua Tự Đức trị tội vì điều trần rằng việc cấm đạo Thiên Chúa là sai. PTG làm *Chánh Sứ* vào Sài Gòn điều đình với Pháp về ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa.

1863: PTG làm *Chánh Sứ* đi Paris (Pháp) xin chuộc lại ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa. Sau đó sứ bộ qua Madrid (Tây Ban Nha).

1864: PTG thọ chức *Lại Bộ Thượng Thơ*.

1865: PTG xin về hưu, nhưng bị bác. PTG thọ chức *Hiệp Biện Đại Học Sĩ Hộ Bộ Thượng Thơ*, sung *Kinh Lược Sứ* ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

1866: PTG xin về hưu, nhưng bị bác.

1867: Xét thấy không thể chống trả nổi giặc Pháp, PTG buộc phải giao ba thành Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên để tránh cho quan quân và dân chúng đổ máu. PTG tự xử bằng cách uống thuốc độc quyên sinh vào Chủ Nhật 04-8, sau khi đã tuyệt thực liên tục kể từ Thứ Sáu 19-7.

1868: PTG bị vua Tự Đức tước hết các chức tước, phẩm hàm, bị đục tên trên bia tiến sĩ, bị án trăm giam hậu.

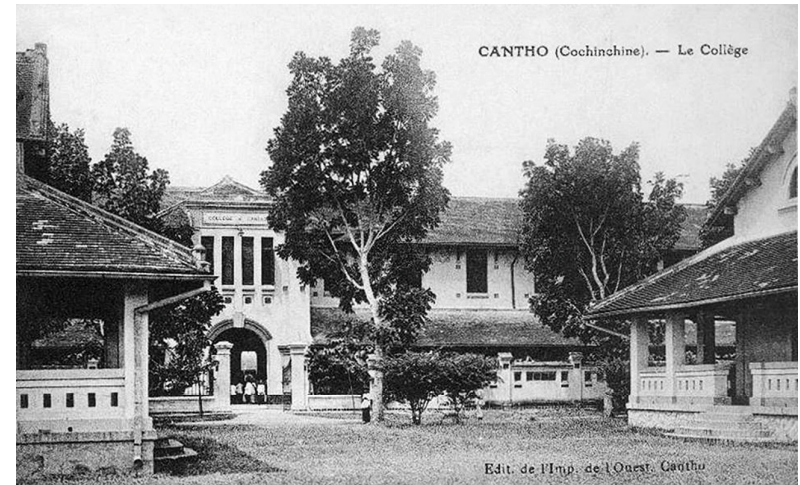
1885: PTG được vua Đồng Khánh phục hồi hàm *Hiệp Tá Đại Học Sĩ*.

1924: Thứ Hai 25-8, vua Khải Định ban sắc cho xã Tương Bình Hiệp, tổng Bình Phú, tỉnh Thủ Dầu Một, phụng thờ PTG là Thần.

1925: Tháng 8, ông Nguyễn Văn Dền (Chủ Hội của Vĩnh Long Tương Tế Hội ở số 251 đường Lagrandière,⁽¹⁾ Sài Gòn) xuất bản *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí* (76 trang ruột), in lần thứ nhất tại imprimerie Viêt (Sài Gòn), giá bán một đồng. Sách dành các trang 4-23 viết về PTG và một ít bài thơ về ngài.

1927: Ông Thái Hữu Võ (tri phủ hạng nhứt hưu trí, thăng hàm đốc phủ sứ, người làng An Bình Đông, tổng Bảo An,

⁽¹⁾ Ngày 30-4-1950 đổi tên là đường Gia Long. Sau 30-4-1975 đổi tên là đường Lý Tự Trọng.



Collège de Càn Thơ vào thập niên 1930.



Tượng ngài Phan Thanh Giản trong khuôn viên collège de Càn Thơ vào thập niên 1930.

quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre) xuất bản *Phan-Thanh-Giảng* [sic] *Truyện*, in tại nhà in Xưa Nay (số 62-64 boulevard Bonard, Sài Gòn, 73 trang). Ông Võ viết (tr. 50): “*Có nhiều khi thỉnh tiên, cũng có ngài [PTG] xuống mà phụ cơ, ai có xin việc chi, thì ngài cũng cho thi [thơ].*”

1933: Chủ Nhật 10-9, vua Bảo Đại ban sắc cho thôn Long Hồ, tổng Bình Long, quận Đệ Nhứt, tỉnh Vĩnh Long, phụng thờ PTG là Thần.

1939: Thứ Tư 08-02, ở Đà Nẵng, Đức PTG giáng cơ tại thánh thất Trung Thành (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

1941: *Phan-Thanh-Gian (1796-1867) et sa famille d'après quelques documents annamites*,⁽²⁾ sưu tập, dịch và chú thích của Pierre Daudin với sự cộng tác của Lê Văn Phúc được xuất bản (Sài Gòn: Imprimerie de l'Union, Nguyễn Văn Của).

1945: Thứ Tư 11-7, ở Đà Nẵng, Đức PTG giáng cơ tại thánh thất Trung Thành (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

Tại Cần Thơ, tháng 8, collège de Cần Thơ (lập năm 1917, trong trường có tượng bán thân PTG) đổi tên thành trường trung học PTG. Con đường chạy qua cổng trường là đường PTG.

1950: Nam Xuân Thọ xuất bản *Phan Thanh Giản 1796-1867* (Sài Gòn: Nxb Tân Việt). Tháng 9-1957, sách được in lần thứ hai (Sài Gòn: Nxb Tân Việt, 112 trang).

1955: Thứ Ba 22-3, tại Sài Gòn, chánh quyền nhập đường Legrand de la Liraye và đường Lizé thành một và đặt tên là

⁽²⁾ Phan Thanh Giản (1796-1867) và gia đình ông theo vài tài liệu An Nam.



Đường Phan Thanh Giản (từ 22-3-1955 tới 13-7-1975) từ bùng binh Ngã Bảy tới cầu Phan Thanh Giản.

đường PTG, kể từ bùng binh Ngã Bảy (đoạn cuối này là ranh giới quận 3 và quận 10; phía bên quận 10 có phường PTG cặp sát đường PTG) chạy suốt tới cầu PTG (bắc qua rạch Thị Nghè, là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Gia Định với đô thành Sài Gòn).

1956: Thứ Sáu 13-4, ở Phú Yên, Đức PTG giáng cơ tại thánh thất Minh Đức (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

1963: Tại Hà Nội, trên tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử* (số 55, tháng 10-1963, tr. 18-19), Viện Trưởng Viện Sử Học Trần Huy Liệu (1901-1969) tuyên án PTG đã “*phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân*”, có tội “*dâng thành hiến đất cho giặc*”, và kết luận: “*Đối với PTG, công đức như thế là đã bại hoại rồi, mà công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể?*”

1965: Thứ Sáu 07-5, tại Sài Gòn, Phủ Quốc Trưởng Việt Nam Cộng Hòa có văn thư số 01523/QT/TU của Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu (1905-1970) ⁽³⁾ kính gửi ông đại diện ban sáng lập đình Thần xã Vọng Thê, quận Huệ Đức, tỉnh An Giang (nhờ ông tỉnh trưởng An Giang chuyển giao). Nội dung văn thư như sau:

Thưa Ông,

Tôi được biết đồng bào xã Vọng Thê, quận Đức Huệ [sic],⁽⁴⁾

⁽³⁾ Thánh danh Huỳnh Đức, đặc quả Nguyệt Đức Thiên Tiên.

⁽⁴⁾ Nhân viên văn thư của Phủ Quốc Trưởng đánh máy sai; đúng ra là quận Huệ Đức. Con dấu chữ nhật của quận Huệ Đức áp lên công văn đến ghi ngày 17-5-1965; số công văn đến là 1135 (xem ảnh chụp công văn này trong *Phan Thanh Giản – Trăm Năm Nhìn Lại*, Hà Nội: Nxb Thế Giới và tạp chí Xưa & Nay, 2017, tr. 597).

có nguyện vọng tha thiết được tôn thờ Cụ PTG tại đình Thần xã này.

Cụ PTG là một vị công thần, suốt đời hy sinh cho Tổ Quốc. Khi nước nhà bị xâm lăng, Cụ đã chọn lấy cái chết hào hùng, chứ không chịu hợp tác với địch. Gương sáng của Cụ làm rạng danh tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam, và đáng được muôn đời thờ kính.

Cụ PTG đương nhiên là một vị Thần trong lòng mọi người dân Việt.

Việc tôn thờ Cụ PTG tại đình Thần xã Vọng Thê là một việc làm tốt đẹp và đáng khen ngợi.

Kính thư,

(Chữ ký và con dấu Quốc Trưởng Việt Nam Cộng Hòa)

Phan Khắc Sửu

1966: Thứ Bảy 22-01 (mùng 2 Tết Bính Ngọ), ở Vĩnh Long, Đức Chơn Thánh PTG giáng cơ tại Trúc Lâm Thiền Điện (thuộc Hội Thánh Di Lạc).

1967: Quý ba và bốn, tập san *Sử Địa* do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài Gòn chủ trương, và được nhà sách Khai Trí của ông Nguyễn Hùng Trương (1926-2005) bảo trợ, ra số kép 7-8 (270 trang) với chủ đề *Đặc Khảo Về Phan Thanh Giản (1796-1867)*.

Quận Núi Sập thành lập ngày Thứ Tư 24-4-1957, đổi tên thành quận Huệ Đức ngày Thứ Tư 31-5-1961, và xã Vọng Thê là quận lỵ của Huệ Đức. Hiện nay xã Vọng Thê thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

1971: Chủ Nhật 02-5, ở Vĩnh Long, Đức PTG giảng cơ tại Trúc Lâm Thiền Điện (thuộc Hội Thánh Di Lạc).

1972: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa (Sài Gòn) xuất bản *Thư Mục Về Phan Thanh Giản* (15 trang).

Thứ Ba 03-10, ở tỉnh Vĩnh Bình (nay là Trà Vinh), Đức PTG giảng cơ tại Chí Thiện Đàn (thuộc Minh Đức Nho Giáo).

1974: Nguyễn Duy Oanh xuất bản *Chân Dung PTG* (Sài Gòn: Bộ Văn Hóa, Giáo Dục Và Thanh Niên, 474 trang).

1975: Ở miền Nam, Thứ Hai 14-7, chánh quyền nhập chung đường PTG với đoạn xa lộ từ cầu Sài Gòn (bắc qua sông Sài Gòn) tới cầu PTG thành con đường dài khoảng 6,3 cây số và đặt tên là đường Điện Biên Phủ. Cầu PTG đổi tên là cầu Điện Biên Phủ. Ở mấy tỉnh, thành khác,⁽⁵⁾ hầu hết các trường học, đường phố mang tên PTG đều bị đổi tên, các tượng PTG đều bị dẹp bỏ.

1994: Tháng 11, hội thảo khoa học về PTG tổ chức tại Vĩnh Long với chủ đề “Nhận thức, thân thể, sự nghiệp cuộc đời Phan Thanh Giản”.

1996: Hoàng Lại Giang xuất bản *Phan Thanh Giản Nỗi Đau Trăm Năm* (Nxb Văn Học). Sách được tái bản nhiều lần.

2002: Tháng 12, tại Paris, Phan Thị Minh Lễ (hậu duệ của PTG) và Pierre Ph. Chanfreau xuất bản *Phan Thanh Gian, patriote et précurseur du Vietnam moderne: Ses dernières*

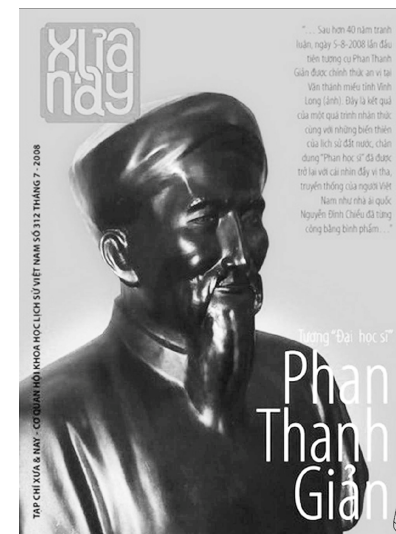
⁽⁵⁾ Bà Rịa, Bạc Liêu, Bến Tre, Cần Thơ, Đà Lạt, Đà Nẵng, Gò Công, Huế, Kontum, Nha Trang, Phan Thiết, Pleiku, Rạch Giá, Sa Đéc, Sóc Trăng, Tân An, Tây Ninh, Trà Vinh, Vị Thanh, Vĩnh Long, Vũng Tàu.

années (1862-1867),⁽⁴⁾ Editions L’Harmattan.

2003: Thứ Bảy 16-8 tại TpHCM, cuộc tọa đàm khoa học với chủ đề “Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản” được Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam và tạp chí *Xưa & Nay* tổ chức.

2008: Thứ Năm 24-01, Cục Di Sản Văn Hóa (Bộ Văn Hóa, Thể Thao Và Du Lịch) ra công văn số 73/DSVH-DT, có đoạn viết: “Việc dựng lại tượng PTG cũng là một hình thức tôn vinh nhân vật này để ghi nhận những cống hiến của ông đối với lịch sử đất nước...”

Thứ Ba 05-8-2008, tại Vĩnh Long, Văn Thánh Miếu tổ chức lễ giỗ thứ 141 của ngài PTG và đón nhận tượng đồng PTG (bản thân, cao 85cm, nặng 250kg) do Thủ Tướng Võ Văn Kiệt phụng hiến trước khi qua đời (2008). Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam và tạp chí *Xưa & Nay* mời nhà điêu khắc Lâm Quang Nói đúc tượng này.



Ảnh tượng đồng in trên bìa tạp chí *Xưa & Nay*, số 312, tháng 7-2008.

⁽⁶⁾ Phan Thanh Giản, nhà ái quốc và tiền hô của nước Việt Nam cận đại: những năm cuối đời (1862-1867).

2. ĐỨC ĐỘ NGÀI PHAN THANH GIẢN

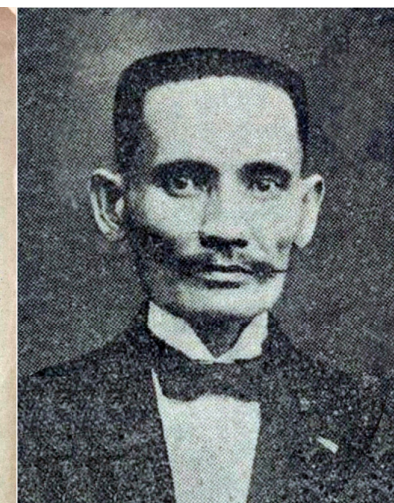
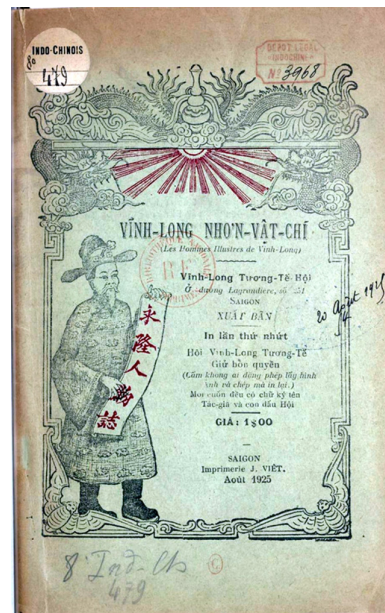
Tháng 8-1925 ông Nguyễn Văn Dần xuất bản *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí*, 76 trang ruột, in lần thứ nhất tại imprimerie Việt (Sài Gòn), giá bán một đồng. Ngoài bìa sách cho biết Vĩnh Long Tương Tế Hội ở số 251 đường Lagrandière, Sài Gòn.⁽¹⁾ Ở trang không đánh số, ngay sau trang bìa giả (*title page*) in chân dung ông Nguyễn Văn Dần và cho biết ông là Chủ Hội của Vĩnh Long Tương Tế Hội, nhà số 115 đường Verdun, Sài Gòn.⁽²⁾ Nơi trang 20 cuốn sách xưa này ông Dần có kể lại tích cụ Phan Thanh Giản (1796-1867) ghé thăm thầy học cũ rất hay. Tôi trích lại nguyên văn, giữ nguyên cách chấm câu của người xưa, chỉ sửa lỗi chánh tả và vài chỗ viết hoa, đồng thời chú thích ba chỗ cần thiết. Nhân đây, tôi xin cảm ơn hiền hữu Trần Văn Chánh đã cho mượn bản sách xưa nay đã thuộc vào loại quý hiếm. (Huệ Khải, 26-8-2018)

► Trích sách ông NGUYỄN VĂN DẦN

Năm Tự Đức thứ mười lăm (1862) cụ [Phan Thanh Giản] vâng mạng hoàng đế vào trọng nhậm chức Kinh Lược ba tỉnh

⁽¹⁾ Ngày 30-4-1950 đổi tên là đường Gia Long. Sau 30-4-1975 đổi tên là đường Lý Tự Trọng.

⁽²⁾ Ngày 22-3-1955 đổi tên là đường Lê Văn Duyệt. Ngày 14-8-1975 đổi tên là đường Cách Mạng Tháng Tám.



Ông Nguyễn Văn Dần
tác giả *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí*

hướng Tây Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Khi đến tỉnh Gia Định cụ ghé lại Gò Vấp ⁽³⁾ để viếng thăm tôn sư là cụ Võ tiên sanh.⁽⁴⁾ Lúc gần đến chòi tranh của thầy ở, thì cụ truyền xếp võng điều và lọng lại, xuống đi bộ vào bái thăm thầy. Thầy trò gặp gỡ nhau chẳng xiết vui mừng,⁽⁵⁾ vì cách

⁽³⁾ Khi xưa gọi Gò Vấp, nay gọi Gò Vấp.

⁽⁴⁾ **tiên sanh** (sinh) 先生: Tiếng gọi thầy giáo. Năm 1816, theo lời khuyên của quan Hiệp Trấn tỉnh Vĩnh Long (tên là Lương, không biết họ), nho sinh Phan Thanh Giản nán lại Vĩnh Long thọ giáo quan đốc học họ Võ (không biết tên). Thầy Võ nói ở đây không phải là xứ sĩ Võ Trường Toản vì Võ xứ sĩ tạ thế năm 1792; bốn năm sau (1796) Phan Thanh Giản mới chào đời.

⁽⁵⁾ **chẳng xiết vui mừng**: Mừng vui không thể kể cho hết được.

nhau đã nhiều năm! Hỏi thăm việc hàn huyên xong rồi, cụ bái tạ mà đi Vĩnh Long và dâng lại cho tôn sư hai nén bạc để uống trà. Khi ấy tôn sư đáp lại cho cụ Phan một chục trái bắp! Cụ Phan thọ lãnh món vật của tôn sư cho, bèn bốn thân xách lấy bắp, chẳng để cho quân lính cầm. Đoạn đi bộ một đỗi xa xa mới truyền sửa võng lọng mà lên lại. Thiệt là người học trò có tư cách và hiếu nghĩa với thầy! Rất vẻ vang cho đạo học nhà Nam! Rất đúng đắn với câu: “*Gặp vận vinh vang thêm toại chí, nhớ thương sư phụ phận con em!*”

*

Năm 1927 ông Thái Hữu Võ xuất bản *Phan Thanh Giản Truyện*, 73 trang ruột, in tại nhà in Xưa Nay, số 62-64 boulevard Bonard, Sài Gòn.⁽⁶⁾ Đây là nhà in của ông Nguyễn Háo Vĩnh (1893-1941), một bậc sĩ phu Nam Kỳ, và là bốn đạo Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh.⁽⁷⁾

Tháng 8-1927, tại Ba Tri, ông Võ viết *Lời Tựa* cho sách trên. Ngay đầu trang 1, ông tự giới thiệu là tri phủ hạng nhứt hưu trí, thăng hàm đốc phủ sứ. Ông sinh tại làng An Bình Đông, tổng Bảo An, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Năm hai mươi bốn tuổi ông làm cai tổng Bảo An.

⁽⁶⁾ Từ năm 1952, số 62 boulevard Bonard là “librairie Khai Trí” của ông Nguyễn Hùng Trương (1926-2005). Kể từ năm 1955 trở đi, boulevard Bonard đổi thành đại lộ Lê Lợi. Cũng do xu hướng Việt hóa các tên gọi tiếng Pháp, “librairie Khai Trí” đổi thành “nhà sách Khai Trí”.

⁽⁷⁾ Bửu tháp của ông Vĩnh cất tại Trước Tiệt Tàng Thờ (ở Thủ Thiêm), nơi ấy đã tiếp bửu kinh *Đại Thừa Chơn Giáo* (1936).

Ngoài *Lời Tựa*, sách ông Võ gồm hai phần: *Phan Thanh Giản Truyện* (trang 3-55), và *Tây Phù Nhứt Ký* (trang 56-73).⁽⁸⁾ Trong phần *Phan Thanh Giản Truyện*, tác giả không phân đoạn thành các tiểu mục, nghĩa là sau nhan đề thì ông Võ trình bày luôn một mạch. Trừ ảnh ngài Phan mặc triều phục in ở trang bìa, trong ruột sách không kèm một hình ảnh nào hết.

Lời văn người xưa ở Nam Kỳ, như ông Thái Hữu Võ chẳng hạn, ngày nay đọc lại tôi thấy chứa nhiều thú vị. Tôi trích lại đây nguyên văn một số trang trong sách ông Võ, giữ nguyên cách ông chấm câu, cách xuống hàng sau mỗi đoạn, chỉ sửa các lỗi chánh tả ⁽⁹⁾ và mấy chữ viết hoa. Chỗ nào cần giải thích, tôi soạn thêm cước chú. Khi trích lại sách ông Võ, tôi thêm các tiểu mục (in chữ đậm) để bạn đọc tiện theo dõi.

Nhân đây tôi xin cảm ơn hiền hữu Trần Văn Chánh đã cho mượn bản photocopy trọn quyển sách xưa mà ngày nay thuộc vào loại hiếm. Nhờ vậy, chúng ta có được một góc nhìn về bậc hiền nhân Phan Thanh Giản (1796-1867), theo cách nhìn của lớp tiền bối hầy còn khá gần gũi thời đại cụ Phan. (Huệ Khải, 21-8-2018)

⁽⁸⁾ Tác giả là Phó Sứ Phạm Phú Thứ và Bồi Sứ Ngụy Khắc Đản. Bản quốc ngữ trong sách ông Võ do Tri Phủ Tôn Thọ Tường viết theo thể thơ lục bát. (Năm 1863, hai vị Phạm và Ngụy tháp tùng Chánh Sứ Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.)

⁽⁹⁾ Sách in sai chánh tả rất nhiều. Ngay cả nhan đề in sai là *Phan Thanh **Giảng** Truyện*.

► Trích sách ông THÁI HỮU VÕ

1. Vác giáo ra trận

[Trang 8] Năm Minh Mạng thứ mười hai (1831), đổi ngài làm Hiệp Trấn tỉnh Quảng Nam, kể trong tỉnh có giặc mọi, tên Cao Gồng dấy loạn, cướp phá xứ Chiên Đàn, tục kêu là Nguồn Đền. Ngài đem binh đánh giặc bị thất trận. Vua nói tại quan tỉnh hành chánh bất nghiêm, nên sanh giặc giã, ngài bị cách xuống làm tiền quân hiệu lực, rồi cũng còn ở đó đặt đài công thực tội,⁽¹⁰⁾ mỗi khi đi đánh giặc, ngài cứ vác giáo đi trước, các quan sợ ngài chết, biểu ngài đi sau, ngài nói: “Vua biểu sao thì tôi làm như vậy”, ngài cũng cứ việc đi trước, đến chừng giặc mọi yên rồi, ngài mới đặt bỏ về kinh⁽¹¹⁾ tòng hiệu lực bá công vụ, đoạn sai ngài đi coi làm cỏ trong đền (...).

2. Vì việc nước không rẽ về nhà thăm cha⁽¹²⁾

[Trang 9] Năm Minh Mạng thứ mười sáu (1835), ngài thăng chức thiết thọ đại lý tự khanh, kiêm biện hình bộ sự vụ, sung Cơ Mật Viện [trang 10] đại thần. (...) Khi ấy có chỉ vua sai ngài đi kinh lược Trấn Tây,⁽¹³⁾ đặt sắp đặt các phủ huyện (...).

Khi ngài phụng chỉ đi, thì ngài có gởi thơ trước cho cha

⁽¹⁰⁾ **đái công thực tội** 戴功贖罪: Lấy công chuộc tội.

⁽¹¹⁾ **kinh** 京: Kinh thành Huế.

⁽¹²⁾ Cha ngài là ông Phan Thanh Ngạn lúc ấy sống ở làng Bảo Thạnh (nay thuộc huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre),

⁽¹³⁾ Tên gọi Cao Mên sau khi vua nước này thua trận, phải chịu giao hảo với Việt Nam.

ngài hay rằng: “Con mắc lo việc nước lâu ngày nhớ cha, xin mời cha lên tại tỉnh Vĩnh Long mà chơi, chờ khi con đi Trấn Tây trở về, con sẽ lên đó lạy mừng cha cho thấy mặt, con chịu mạng vua⁽¹⁴⁾ đương đi việc nước, không dám quanh đường ghé tắt đặt vướng cha thăm nhà.”

Đến khi ngài sắp đặt việc Trấn Tây xong rồi, ngài trở về ghé tại tỉnh Vĩnh Long một ngày hầu bái cha ngài rồi, ngài lên đường về tới tỉnh Bình Thuận kể có giặc mọi, ngài ở lại đó dẹp cho xong giặc rồi, mới trở về triều bái mạng,⁽¹⁵⁾ kể vua sai ngài ra làm Quảng Nam bố chánh, hộ lý tuần phủ quan phòng.

3. Bị chặn ghe ở đồn Ba Lai

[Trang 15] Năm Thiệu Trị thứ hai (1842), tháng Sáu, cha ngài mất tại làng Bảo Thạnh, vua có ban vàng bạc cho ngài về tống táng cho cha, trong khi ngài đi đường cũng giữ theo phận có tang, không cho ai biết mình là quan lớn,⁽¹⁶⁾ không cho quân lính hầu hạ chi hết. Lúc ban đêm ngài đi ngang qua đồn Ba Lai thì có cai đồn tên Vân, triệc⁽¹⁷⁾ ghe ngài lại đặt tra xét, thì mấy người chèo ghe nói rằng ghe của quan lớn. Tên cai đồn không nghe triệc lại, thấy chiếc ghe tầm thường quá mới quở mấy thằng chèo ghe rằng “Sao dám nhè tôi mà nói gạt, quan lớn gì đi ghe như vậy”? Ngài lên trình đồn thì

⁽¹⁴⁾ **mạng vua**: Mệnh lệnh của vua.

⁽¹⁵⁾ **bái mạng** 拜命: Lạy vua và bẩm báo hoàn thành sứ mạng.

⁽¹⁶⁾ Năm trước (1841) ngài vừa thăng chức Tham Tri, được giao đảm nhiệm các việc ở Cơ Mật Viện.

⁽¹⁷⁾ **triệc**: (Triệt?) Phỏng đoán nghĩa là chặn lại, ngăn lại.

ngài năn nỉ nói với chú cai rằng “Bạn ⁽¹⁸⁾ nó nói đại, chú đừng có chấp, xin thương tôi già cả”. Tên cai đồn cho ngài xuống ghe đi.

Đến chùng ghe ngài về tới đồn Bảo Thạnh, thấy làng tổng chực rước ngài đông, thì ngài hỏi: ngài không có cho ai hay, sao biết ngài về mà chực rước? Làng nói mỗi khi quan lớn về thì cộp dưới rừng lên trên giồng kê om một hai đêm, đến chùng hôm sau thôi kê, thì bữa đó có quan lớn về, mấy lần trước quan lớn về cũng vậy, nên làng tôi biết chùng mà đi hầu đón.

4. Hòa hảo với xóm giềng

[Trang 15] Đến khi về tới nhà, ngài biểu quan huyện Bảo An đòi tên cai đồn Ba Lai đến cho ngài biểu. Tên cai đồn vào thấy ngài [trang 16] thì sợ đã chết khiếp, ngài day lại nói với tên ấy rằng: người biết làm việc bốn phận chín chắn như vậy, ta cũng khá khen, nếu ta nói ta là quan lớn mà ta đi đặng thì người khác nói quan lớn thì họ đi cũng đặng. Rồi ngài thưởng cho nó một trăm quan tiền, đãi một bữa cơm và cho lên chức chánh đội trưởng. Còn những người trong làng đến thăm, chẳng luận già trẻ, ngài cũng chào hỏi lễ nghĩa rồi ngồi mà nói chuyện, thì ngài khuyên những việc thờ cha kính mẹ, nhỏ lo học hành, lớn lo làm ăn, cần kiệm ở đời, không nên du hí du thực. Còn những con nít đến coi, làng tổng đuổi đi, ngài cũng không cho, ngài nói để nó coi đặng nó bắt chước mình.

5. Sui gia không lạy nhau

[Trang 16] Có ông Phạm Văn Miêng ở tổng Bảo Thuận,

⁽¹⁸⁾ **bạn**: Bạn chèo, người chèo ghe.

làng Tân Trang, khi ngài làm quan ở kinh, thì ở nhà bà lớn ⁽¹⁹⁾ có gởi thơ cho ngài hay rằng, bà lớn cưới con gái của ông Miêng cho cậu ba tên là Phan Liêm, khi ngài về thì ông Miêng có đến thăm và bước ra lạy mừng thì ngài bước xuống nắm tay đỡ lên và nói rằng: “Mấy đời sui gia mà lạy nhau bao giờ,” rồi ngài mời lên ngồi nói chuyện với ngài, làng tổng đều khen rằng: quan lớn thật người lễ nghĩa. Trong khi để tang, thì ngài mặc đồ vải to, ⁽²⁰⁾ chủ việc ai bi tế lễ đủ phép, không cho làm việc phô trương, còn nhạc lễ cũng bày ra đủ mà để hầu chớ không cho đánh và điện, ⁽²¹⁾ bốn thân ngài bưng từ món ⁽²²⁾ quỳ dâng lên rồi lạy khóc. Trong lúc tổng táng rồi, ngài còn ở lại nhà, ban ngày lên làm cỏ mấy cái mộ của tiên nhor, bốn thân ngài nhổ cỏ, gánh đất đắp mộ, tối về coi sách cho tới mười hai giờ.

Khi ngài làm cỏ trên mộ có mấy người làng tổng thấy ngài làm, xin vô làm giùm, ngài không cho, ngài nói rằng: “Việc bốn phận tôi, để tôi làm, cha mẹ sanh mình cực khổ nhiều, còn mình làm như vậy không cực gì bao nhiêu.”

6. Bị ngọn tre quẹt rách áo, trầy da

[Trang 16] Một ngày kia ngài đi lên mộ, có tên Nguyễn Văn

⁽¹⁹⁾ **bà lớn**: Tiếng gọi vợ quan lớn. Theo Thái Hữu Vỡ (*sách đã dẫn*, tr. 6), bà tên là Trần Thị Hoạch, người làng Đơn Vệ, huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị, con gái đầu lòng của ông Trần Công Án (quan án sát hựu trí). Bà kén chồng, mãi tới năm ba mươi ba tuổi mới kết hôn với ngài Phan Thanh Giản, rồi về quê chồng phụng dưỡng cha chồng luôn.

⁽²⁰⁾ **vải to**: Vải thô, sợi vải to.

⁽²¹⁾ **điện** 奠: Dâng lễ bằng cách cử nhạc.

⁽²²⁾ **từ món**: Từng món.

Cang vác tre đi trước không thấy ngài, đến chừng nó quanh vô nhà thì ngọn tre đung nhăm ngài rách áo, trầy da rướm máu, nó ngó lại thấy ngài thì sợ quá. Ngài biểu nó để cây tre xuống, đưa cái móc cho ngài, thì nó đứng chết đĩnh, ngài mới lấy móc trảy ⁽²³⁾ mắt cây tre sạch sẽ, và chặt ngọn cho bằng, rồi biểu nó vác đi, kéo để đung nhăm người khác nữa. Người ta thấy vậy đều khen rằng: “Quan lớn thiệt người hiền đức từ hòa”.

7. Đang để tang cha, không gần vợ

[Trang 17] Năm ấy [1842], tháng Mười, có chỉ vua đòi ngài trở về kinh, bà lớn thấy ngài sửa soạn đi, giả đồ đau bụng, thì ngài đứng ngoài cửa buồng mà hỏi thăm, rồi lấy thuốc bảo cậu hai ⁽²⁴⁾ đem vô cho bà uống; đến khi ngài bước lên võng, bà lớn chạy ra níu võng, xin ngài ở lại một bữa đặng nói chuyện nhà rồi sẽ đi, thì ngài nói rằng việc vua chúa trên đầu không lo, chuyện vợ chồng chẳng hết gì khi, để cho ngài đi, bà liền buông võng trở vô. (...)

Người ta thấy vậy thì biết rằng trong lúc để tang, ngài không có gần đờn bà.

8. Một lòng thương dân

[Trang 23] Khi ngài trấn Nam Kỳ, đi tuần vãng ⁽²⁵⁾ các tỉnh, dân sự có việc chi oan ức muốn đón ngài mà thưa, lúc đi bộ thì ngài ngừng võng, đi sông thì ngài dạy đình ⁽²⁶⁾ thuyền,

⁽²³⁾ **trảy**: Róc đi, rách sạch.

⁽²⁴⁾ **cậu hai**: Con trai đầu lòng của ngài tên là Phan Hương.

⁽²⁵⁾ **tuần vãng** 巡往: Đi tới tận nơi xem xét.

⁽²⁶⁾ **đình** 停: Đang đi mà dừng lại nửa đường.

đặng tra xét việc ung oan cho dân, xong rồi ngài mới đi. Các quan [trang 24] nhỏ đi theo ngài, nắm với ngài rằng: “Nếu dân sự có việc chi, quan lớn cứ bảo chúng nó phải đến tỉnh mà thưa, chớ quan lớn làm như vậy thì cực cho quan lớn và mất ngày giờ đi tuần vãng.” Ngài trả lời rằng: “Mình là người giữ đất chăn dân,⁽²⁷⁾ kêu là cha mẹ của dân,⁽²⁸⁾ nay chúng nó có việc oan ức mà mình không tra xét cho chúng nó thì sao cho phải, còn để chúng nó đến tỉnh thì lâu ngày mà lại thất công ⁽²⁹⁾ cho nó nhiều và mất sự trông muốn của dân”; nên ngài cũng cứ việc tra xét minh oan cho dân. Ngài thường nói với dân sự rằng: “Vi tử tận kỳ hiếu, vi thần tận kỳ trung,⁽³⁰⁾ không đạo nào trọng cho bằng đạo thờ cha kính mẹ, không việc gì trọng cho bằng nợ nước ơn nhà. Lúc còn nhỏ phải ráng mà học hành, lớn lên phải lo làm ăn đặng mà đền bồi ơn cha mẹ và gánh vác việc nước nhà. Trong sáu tỉnh Nam Kỳ, ruộng nhiều, đất tốt hơn các tỉnh, hột lúa ngày sau là hột ngọc xứ Nam Kỳ, phải ráng mà mở rừng, vỡ ruộng cày cấy, gieo trồng, đặng nuôi dưỡng vợ con và mở mang bờ cõi chẳng nên du hí du thực.”

⁽²⁷⁾ **chăn dân**: Chăn do chữ **mục** 牧 vừa có nghĩa chăn nuôi (*mục mã* 牧馬: chăn ngựa), vừa có nghĩa cai trị, cai quản (*mục lệ thứ* 牧黎庶: chăn dân, cai trị dân chúng).

⁽²⁸⁾ **cha mẹ của dân**: Dân chi phụ mẫu. Quan niệm cổ xưa này có chép trong *Kinh Thi*, được nhắc lại trong sách *Đại Học*, đoạn 12: *Thi vân*: “*Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu.*” 詩云: “樂只君子, 民之父母.” *Kinh Thi* nói: “Vui thay người quân tử, là cha mẹ của dân.”

⁽²⁹⁾ **thất công** 失工: Bỏ lỡ công việc làm ăn thường ngày.

⁽³⁰⁾ **Vi tử tận kỳ hiếu, vi thần tận kỳ trung** 爲子盡其孝, 爲臣盡其忠: Làm con hết lòng hiếu thảo, làm tôi hết lòng trung thành.

9. Không để thương khách Trung Quốc hối lộ

[Trang 24] Lúc nào có tàu Trung Quốc qua buôn bán, khi nhập cảng, thì mấy người chủ tàu đem lễ vật, gấm, nhiễu, dâng cho ngài, ngài không lấy; mấy chủ tàu biết ngài là một vị quan thanh liêm, sau cứ viết mực và sách sử chỉ lạ đem dâng cho ngài, thì ngài mới nhận.

10. Quý trọng bạn cũ thanh bần

[Trang 24] Có một ngày kia ngài đi vắng dân⁽³¹⁾ ngang qua nhà người anh em bạn của ngài tên là Phan Dĩ Thử, ở làng Hanh Thông, con cháu công thần, người này cũng học giỏi, mà không đi thi, nhà nghèo, ở một cái chòi tranh mà chuyên nghề làm ruộng. Khi ngài đến nhà ông đó, ông mắc đi làm ngoài ruộng, không hay ngài đến, thì ngài nằm đó chờ cho đến tối ông ấy về thấy ngài thì mừng rỡ, rồi lật đật dọn cơm cho ngài ăn, trên mâm chỉ có một đĩa rau luộc và một đĩa mắm kho rồi day lại nói với ngài rằng: “Thưa ngài, ngày nay ngài chẳng nài⁽³²⁾ khó nhọc giá lâm⁽³³⁾ đến đây mà viếng tôi, thì tôi rất muôn ngàn cảm tạ, nhưng tôi lấy làm hổ thẹn cho phận tôi là một kẻ hàn vi mạt sĩ,⁽³⁴⁾ cái lẽu cở này là một chỗ không xứng đáng mà rước một vị quan đại thần như ngài vậy, và bữa cơm rau này cũng chẳng phải là vật thực của kẻ

⁽³¹⁾ **vãng dân**: Đi tới tận nơi xem xét đời sống dân chúng.

⁽³²⁾ **chẳng nài**: Không quản ngại.

⁽³³⁾ **giá lâm** 駕臨: *Giá* là từ xưng hô tôn trọng người đối diện (cũng như chữ *ngài*). *Lâm* là nói người bề trên cao sang mà hạ mình đi xuống gặp kẻ dưới.

⁽³⁴⁾ **hàn vi** 寒微: Nghèo hèn. **mạt sĩ** 末士: Kẻ tầm thường, thấp kém (lời nói khiêm tốn, hạ mình).

có tước phẩm triều đình, mà nếu ngài không chê rằng nghèo hèn thì xin ngài vui lòng dùng cùng tôi một bữa, đàm bạc lấy thảo.”

[Trang 25] Ngài nghe ông ấy nói như vậy thì đáp lại rằng: “Cái phẩm tước ấy là để mà châu chực nơi chốn triều đình, và để mà vỗ trị⁽³⁵⁾ trong hàng dân dã, chứ lẽ nào dùng cái phẩm tước ấy mà khoe với thân tộc họ hàng, và cũng chẳng phải đem nó ra mà dùng với người thân bằng cố hữu.⁽³⁶⁾ Nay ông là kẻ cố hữu của tôi trong lúc tiền niên,⁽³⁷⁾ dẫu rằng vách lá lều tranh, nhà cửa ông hẹp, tiền bạc ông nghèo, nhưng mà cái tình nghĩa cố giao⁽³⁸⁾ của tôi với ông dầu cho ngàn năm cũng không nghèo đặng, vả lại xưa có câu rằng: Bần tiện chi giao mạc khả vong!⁽³⁹⁾ Nay tôi đến đây mà ăn một bát canh rau cùng ông, tôi tưởng quý hơn là một mâm cao lương của người giàu có, xin ông chớ ngại.” Ông kia nghe nói thì mỉm cười⁽⁴⁰⁾ rồi đáp rằng: “Bên Trung Quốc hồi đời Hán, có ông Tống Hoảng,⁽⁴¹⁾ chẳng dè Việt Nam ta ngày nay cũng có một

⁽³⁵⁾ **vỗ trị**: Vỗ an và cai trị.

⁽³⁶⁾ **thân bằng** 親朋: Họ hàng (*thân*) và bè bạn (*bằng*). **cố hữu** 故友: Bạn cũ.

⁽³⁷⁾ **tiền niên** 前年: Năm kia.

⁽³⁸⁾ **cố giao** 故交: Bạn cũ (cũng như *cố hữu*).

⁽³⁹⁾ **Bần tiện chi giao mạc khả vong** 貧賤之交不可忘: Bạn bè kết giao lúc nghèo hèn chớ quên.

⁽⁴⁰⁾ **mỉm cười**: Mỉm cười.

⁽⁴¹⁾ **Tống Hoảng** 宋弘: Đời Đông Hán, Tống Hoảng làm quan được vua Quang Vũ rất quý trọng. Chị vua là Hồ Dương góa chồng. Khi nghe chị khen ngợi Tống Hoảng, vua muốn chị cưới Tống Hoảng dù ông ấy đã có vợ. Vua vời Tống Hoảng vào gặp để dò ý, nên hỏi

ông Tống Hoàng nữa là quan lớn đó vậy.”⁽⁴²⁾

11. Mười nén vàng giấu trong mười gói trà

[Trang 25] Có một người trong tỉnh Gia Định, tên là bá hộ⁽⁴³⁾ Vân, bị hàm oan về việc án mạng, ngài tra mình ra thì người ấy vô tội, người ấy cảm ơn ngài, bèn lấy mười nén⁽⁴⁴⁾ vàng, để trong mười gói trà mà cho ngài, ngài không chịu lấy, người đó nói rằng: “Trà này quý lắm, xin quan lớn dùng lấy thảo với tôi.” Ngài biết ý liền đáp rằng: “Trà chú quý bằng vàng mà tôi không quen dùng, chú đem đến, tôi thấy đây cũng như uống rồi, tôi cảm ơn, chú phải đem về.” Người ấy bưng trà về nói lại với vợ con rằng: “Bấy lâu nay ta nghe nói quan Phan là người thanh liêm, đến nay ta mới biết lời ấy là rất thiệt.”

12. Xử kiện ở Châu Đốc

[Trang 26] Khi ngài đến tỉnh Châu Đốc, có một chỗ nước xoáy, tên Mạnh đổ tên Hào lợi đăng, thì nó cho một trăm quan tiền, như lợi không đăng, chết thì chịu. Hai đảng có làm tờ giao kèo với nhau; khi tên Hào lợi xuống đó thì nước xoáy

khéo: “Trẫm nghe nói *Quý dịch giao, phú dịch thê* 貴易交, 富易妻. (Sang đổi bạn, giàu đổi vợ.) Nói thế là ý gì?” Tống Hoàng đáp: “Thần nghe nói *Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất hạ đường*. 貧賤之交莫可忘, 糟糠之妻不下堂. (Bạn bè kết giao lúc nghèo hèn chớ quên, vợ cưới lúc đói rách không thể hắt hủi.) Vua hiểu ý, không dám bảo ông cưới chị mình.

⁽⁴²⁾ Đoạn đối đáp này giữa hai người bạn cũ, tôi cho rằng ông Thái Hữu Vỹ viết thật hay. Đọc văn xưa thấy rất thích!

⁽⁴³⁾ **bá hộ**: Nhà giàu lớn.

⁽⁴⁴⁾ **mười nén**: Một trăm lạng.

mất biệt. Bà mẹ nó đi kiện tới đâu, quan cũng cứ⁽⁴⁵⁾ tờ giấy giao kèo mà xử bà thất.⁽⁴⁶⁾ Đến khi bà gặp ngài đi kinh lược⁽⁴⁷⁾ đến đó, bà kiện với ngài, ngài xử tên Mạnh như vậy: “Người ta có một mẹ một con, sao mi biết chỗ chết mà còn đổ người ta tội, mi dĩ tài sát nhơn,⁽⁴⁸⁾ vậy mi hãy nuôi bà này cho đến chết, và chừng bà chết mi phải tổng táng bà cho tử tế.” Tên Mạnh lạy ngài mà vâng theo lời ngài xử.

13. Sửa lỗi sai của vợ

[Trang 26] Khi ngài về đến làng Bảo Thạnh thăm nhà, có một tên Hưng ở lối xóm ngài, ngài hỏi thăm nó làm ruộng khá hay không, thì nó bẩm rằng năm nay nó nghèo lắm, vì bị trâu của nó lợi phá giếng của tên Được, mà ở nhà, bà lớn dạy nó thường đâm thuốc,⁽⁴⁹⁾ cho tên Được hết năm chục quan tiền, vì vậy nên nó mới nghèo. Ngài bèn nói trâu phá giếng thì vét giếng, chớ sao lại thường thuốc, ngài bảo quân vô buồng của bà lớn nhất ra một trăm quan tiền cho nó lại.⁽⁵⁰⁾ Từ đây, ai thừa bẩm việc chi, bà lớn không dám xử nữa.

⁽⁴⁵⁾ **cứ**: Y theo, căn cứ theo.

⁽⁴⁶⁾ **thất**: Thua kiện.

⁽⁴⁷⁾ **kinh lược** 經略: Đi xem xét các tỉnh.

⁽⁴⁸⁾ **dĩ tài sát nhơn** 以財殺人: Dùng tiền giết người.

⁽⁴⁹⁾ **thuốc**: Cây thuốc (trồng lấy lá xắt làm thuốc hút).

⁽⁵⁰⁾ “... ngài bảo quân vô buồng của bà lớn nhất ra **một trăm** quan tiền cho nó lại.” Chữ **nhất** này khó hiểu! Hơn nữa, chi tiết cho lính vào buồng vợ lấy tiền cũng lạ. Có lẽ vì thế ông Nguyễn Duy Oanh trong sách *Phan Thanh Giản: Cuộc Đời & Tác Phẩm* (trang 88, bản in tháng 8-2003 của Xưa & Nay thuộc Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam liên kết Đại Học Hồng Bàng) chép khác hơn: “Ông bảo bà lớn cho nó **hai trăm** quan tiền đã mất vì tại bà xử sai.”



Chánh Sứ Phan Thanh Giản. Paris 1863.

14. Cả nhà đạo đức

[Trang 29] Năm Tự Đức thứ mười bốn (1861), vợ ngài là bà Trần Thị Hoạch chết tại làng Bảo Thạnh, thì ngài mắc ở ngoài kinh. Bà này tánh tình hiền đức lắm, tuy chồng làm quan lớn, song bà chẳng hề theo chồng mà dựa quyền ý thế, cứ ở nhà, kính thờ cha chồng, nuôi dưỡng con trẻ, ở với xóm giềng cũng hiền hòa tử tế, nhà tuy nghèo, bà cũng giữ sự cần kiệm, dệt lụa dệt vải, trồng rau tía bắp, dư chút đỉnh, bà có mua đặt một miếng đất chỗ thổ mộ⁽⁵¹⁾ tiên nhor của ngài, chừng hai mẫu; trong làng xóm ai đói, thì bà cho gạo ăn, ai đau bà cho tiền uống thuốc, còn ai đẻ con, mà nghèo nàn nuôi không đặt đem cho bà, bà nuôi làm phước, đến khi khôn lớn, bà cho về với cha mẹ. Còn việc cúng quải,⁽⁵²⁾ thì bà cũng giữ tinh khiết, bà dạy con việc học hành lễ nghĩa, không cho xấc xược chơi bời.

Khi ngài còn ở tại kinh đô, bà lớn có kiếm cho ngài một người hầu thiếp tên là nàng Thịnh, bà bảo cậu hai là Phan Hương đưa ra ngoài kinh đặt hầu ngài. Ngài không chịu, ngài bảo nàng ấy về lấy chồng, và phải lựa người học trò hay là người làm ruộng mà lấy, đừng lấy người du hí du thực; rồi đó ngài hỏi đồ nữ trang của ai, nàng nói của bà lớn sắm cho, thì ngài cũng cho nàng ấy đồ nữ trang hết.⁽⁵³⁾

⁽⁵¹⁾ **thổ mộ**: Đất mồ mả.

⁽⁵²⁾ **cúng quải**: Cúng cơm cho tổ tiên ngày giỗ.

⁽⁵³⁾ Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) kể một chuyện tương tự về Vương An Thạch (1021-1086), làm quan đời Tống. Một lần không hỏi ý chồng, vợ Vương kiếm cho ông một nàng hầu. Khi nàng đó vào phòng chào, ông ngạc nhiên hỏi: “Chuyện gì vậy?” Nàng đáp: “Bà lớn bảo cháu vào hầu ông lớn.” Hỏi: “Nhưng chị là

[Trang 30] Đến chừng nàng Thịnh trở về nhà bà lớn, thuật các điều ⁽⁵⁴⁾ quan lớn dạy cho bà lớn nghe, thì bà lớn cũng bảo cứ lời quan lớn mà làm theo, nàng ấy nói rằng: “Nên hư cũng một lần, tôi thấy đức hạnh bà lớn nhiều, tôi xin ở với bà lớn, kết làm chị em cho có bạn.” Mỗi khi bà lớn đau, thì nàng bốn thân bồng đỡ, cơm nước, thuốc thang, ngày đêm không rời, bà lớn thấy vậy cũng thương yêu, đến khi bà lớn bệnh nặng, có kêu các con mà trời lại rằng: “Bà thứ mẫu này không con, như sau mẹ có từ trần rồi thì các con phải kính thờ bà thứ mẫu này cũng như mẹ đẻ vậy.” Các cậu sau cũng giữ theo lời mẹ dạy chẳng dám sai ngoa, còn bà thứ mẫu cũng thủ tiết cho đến chết.

Bà lớn có sanhặng ba người con trai: Phan Hương, Phan Liêm và Phan Tôn, cả ba đều học hành giỏi, tánh hạnh tốt.

15. Quân tử yêu hoa quỳ

[Trang 37] Khi ngài về tỉnh Vĩnh Long, ngài có chở sách vở đem về nhiều lắm và ngài có làm một tập *Lương Khê Thi Thảo* 梁溪詩草.⁽⁵⁵⁾ Nên thiên hạ đồn rằng: Quan lớn Phan là người giàu sách vở, chứ không có giàu vàng bạc chi hết.

ai?” Đáp: “Bẩm chồng cháu ở trong quân đội, tải lương, lỡ để chìm một thuyền lúa. Chúng cháu bán cả nhà cửa, vườn đất để đền mà không đủ, nên chồng cháu phải bán cháu cho bà lớn.” Hỏi: “Bán được bao nhiêu?” Đáp: “Bẩm chín trăm đồng.” Vương cho gọi chồng chị ta tới, bảo dắt vợ về và giữ lấy số tiền. (*Tô Đông Pha*. Hà Nội: Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2003, tr. 91-92.)

⁽⁵⁴⁾ các điều: Các điều.

⁽⁵⁵⁾ **Lương Khê**: Một hiệu của ngài. **Thi Thảo**: Bản thảo thơ (*poems in manuscript form*). Tác phẩm của ngài Phan Thanh Giản không phải chỉ có một tập này.

Còn nhà thờ của tiên nơn ngài ở tại làng Bảo Thạnh, cũng cất bằng cột mắch vách lá, phen tre, xem đó thì đủ biết ngài là một vị quan rất thanh liêm. Tánh ngài ưa sự sạch sẽ, ăn ngủ có chừng, mỗi đêm ngài thường coi sách cho đến mười hai giờ khuya. Khi ngài coi sách thì ngài bịt khăn đen, mặc áo rộng, ngồi đằng hoàng tề chính mà coi, ấy là ngài có ý kính trọng thánh hiền.

Từ khi ngài thi đậu ra làm quan, thì cũng cứ việc học thêm hoài và những sách lạ, truyện hay ngài đều có đọc, cho nên ngài thật là người *bác lãm quần thư*.⁽⁵⁶⁾ Mỗi khi ngài dùng cơm rồi, thì ngài đi đôi ba vòng, rồi ngài mới nghỉ; mỗi bữa sớm mai, ngài thường đi chung quanh thành một vòng, đứng xem xét quân lính và các dinh trại trong thành, buổi chiều cũng vậy. Tánh ngài ưa trồng bông quỳ trước nhà công đường và nơi tư dinh của ngài ở. Khi ấy có quan tổng đốc Vĩnh Long là ông Trương Văn Uyển, dinh ông này ở gần một bên dinh ngài, tánh ông ưa dùng hầu thiếp nhiều lắm. Ngày kia ông đến thăm ngài, thấy ngài ở có một mình thì mới hỏi: “Sao quan lớn không dụng hầu thiếp?” Ngài trả lời rằng: “Tôi không có đủ ngày giờ mà lo việc quốc gia, có ngày giờ đâu mà lo việc hầu thiếp, tôi có trồng bông quỳ chung quanh dinh nhiều lắm, khi nào tôi buồn ra xem nó chơi cũng đủ vui, vả lại cái sắc nó tốt hơn sắc người, mà cái mùi nó hử chơi cũng thơm tho hơn cái mùi của đờn bà con gái, như vậy cũng đủ vui, lựa là ⁽⁵⁷⁾ phải dùng hầu thiếp làm chi cho cực lòng rộn trí.”

⁽⁵⁶⁾ **bác lãm quần thư** (thư) 博覽群書: Xem rộng các sách.

⁽⁵⁷⁾ **Lựa là**: Nào phải, can chi phải.

PHAN THANH GIẢN NAY

Tôi trích lục sau đây sáu thánh giáo do Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ:

A. Ngài dạy đạo ở miền Trung (do các tiền khai Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thông công). Có ba thánh giáo:

1. CỐ ĐỘNG NÔNG VIỆN. Thứ Tư 08-02-1939, ở Đà Nẵng, Đức Phan Thanh Giản giảng cơ tại thánh thất Trung Thành (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

2. NÊN QUÊN MÌNH XẢ THÂN CẦU ĐẠO. Thứ Tư 11-7-1945, ở Đà Nẵng, Đức Phan Thanh Giản giảng cơ tại thánh thất Trung Thành.

3. PHẢI HOÀN TOÀN CÁI DANH TU NIỆM. Thứ Sáu 13-4-1956, ở Phú Yên, Đức Phan Thanh Giản giảng cơ tại thánh thất Minh Đức (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

B. Ngài dạy đạo ở miền Nam (do bộ phận Hiệp Thiên Đài thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thông công). Có ba thánh giáo:

4. HÃY TÌM ĐẠO LÝ Ở TÌNH THƯƠNG. Thứ Bảy 22-01-1966 (mùng 2 Tết Bính Ngọ), ở Vĩnh Long, Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ tại Trúc Lâm Thiền Điện (Hội Thánh Di Lạc).

5. ĐI VỀ ĐẤU VIỆT NAM OI! Chủ Nhật 02-5-1971, ở Vĩnh

Long, Đức Phan Thanh Giản giảng cơ tại Trúc Lâm Thiền Điện.

6. HÃY TRỞ VỀ TRUYỀN THỐNG CHA ÔNG. Thứ Ba 03-10-1972, ở tỉnh Vĩnh Bình (nay là Trà Vinh), Đức Phan Thanh Giản giảng cơ tại Chí Thiện Đàn (thuộc Minh Đức Nho Giáo).

Các thánh giáo này được đánh số thứ tự từ 1 tới 6, và tôi chú thích một số từ ngữ.

Nhan đề sáu bài thánh giáo do tôi tạm đặt, nương theo ý chánh của Đức Phan Thanh Giản hàm chứa trong mỗi bài.

Ngoài phần chú thích, cuối mỗi bài thánh giáo, tôi viết thêm những dòng *Suy Niệm*, gọi là chia sẻ với quý đạo hữu chút ít thẩm thía từ lời dạy của Đức Phan Chơn Thánh.

Những chú thích trong sách này cũng như mấy lời *Suy Niệm* khó mà tránh khỏi sai sót trong muôn một. Kính mong quý đạo hữu hoan hỷ góp ý để tôi sửa chữa khi có duyên lành tái bản.

Trân trọng cảm ơn quý đạo hữu.

Huệ Khải

1. CỔ ĐỘNG NÔNG VIỆN

Thánh thất Trung Thành (Đà Nẵng)
ngày 20-12 Mậu Dần (Thứ Tư 08-02-1939)

PHAN THANH GIẢN

Lão Thần ⁽¹⁾ chào chư Thiên mạng,⁽²⁾ chào đồng bào nam nữ khắp cả trung đàn.⁽³⁾

Đồng bào ôi! Lão Thần không ngờ rằng hôm nay còn có thể đến trước mặt đồng bào để cùng nhau tỏ bày những nỗi thương tâm thảm mục ⁽⁴⁾ từ lâu. Lão Thần những tưởng bảy thước thân sinh ⁽⁵⁾ này đã đành phụ nghĩa non sông, một bầu tâm sự này đã đành quên dòng quên giống đi rồi. Không!

⁽¹⁾ **Lão Thần** 老臣: Người bề tôi già. (Ngài Phan Thanh Giản sinh tiền làm quan, trải ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức; đến năm 1865, tuy bảy mươi tuổi xin vua cho về hưu cũng không được.) Xem *Suy Niệm* 1.3. cuối bài thánh giáo này (tr. 56).

⁽²⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽³⁾ **trung đàn** (đàn trung 壇中): Trong đàn cầu cơ.

⁽⁴⁾ **thương tâm thảm mục** 傷心慘目: Quá đau lòng khi nhìn thấy.

⁽⁵⁾ **bảy thước thân sinh**: Tắm thân bảy thước. Do thành ngữ *thân trường thất xích* 身長七尺 (thân cao bảy thước), có tính ước lệ, ngụ ý nói một người đàn ông đã trưởng thành.

Không đâu! Lão vẫn còn, còn thương còn tiếc, còn thờ còn than.

*Còn con còn cháu Hồng Bàng
Còn trời còn đất, Lão còn như xưa.*⁽⁶⁾

THI

Phong trào ⁽⁷⁾ **Âu, Á sắp nghiêng chính**
Danh lợi gây nên cuộc bất bình
Tư bản, bần dân tranh đấu mãi
Nam bang ⁽⁸⁾ **đạo đức hóa** ⁽⁹⁾ **quần sinh.**⁽¹⁰⁾
Sinh giữa thời gian lăm núng nao ⁽¹¹⁾
Việt Nam thay đổi mấy phong trào
Thiệt thòi nông nổi ⁽¹²⁾ **ai hay biết**
Biết phải làm sao, phải tính sao?

BÀI

Sao vạn quốc ⁽¹³⁾ **liệt cường** ⁽¹⁴⁾ **phú túc** ⁽¹⁵⁾

⁽⁶⁾ **còn như xưa**: Vẫn còn nguyên tấm lòng yêu nước thương dân như thuở còn sống trên thế gian.

⁽⁷⁾ **phong trào** 風潮: Hoạt động lôi cuốn đông đảo người theo.

⁽⁸⁾ **Nam bang** 南邦: Nước Việt Nam, nước Nam.

⁽⁹⁾ **hóa**: Giáo hóa 教化; dạy đạo lý để thay đổi con người và xã hội từ xấu thành tốt.

⁽¹⁰⁾ **quần sinh** 群生: Chúng sanh 眾生, con người nói chung.

⁽¹¹⁾ **núng nao**: Nao núng, lung lay, không còn vững vàng nữa.

⁽¹²⁾ **nông nổi**: Cơ sự, hoàn cảnh, tình thế.

⁽¹³⁾ **vạn quốc** 萬國: Tất cả các nước.

⁽¹⁴⁾ **liệt cường** 烈強: Mạnh mẽ.

⁽¹⁵⁾ **phú túc** 富足: Giàu có đầy đủ.

Sao ngũ châu sắp ⁽¹⁶⁾ cuộc chiến tranh
Biết lo kinh tế thực hành
Kém phần đạo đức mà thành thế u?

Dem kỷ sử ⁽¹⁷⁾ đọc từ thượng cổ
Mở địa đồ xem chỗ vạn bang ⁽¹⁸⁾
Đã sanh trên đồng đất vàng
Cái mầm tan hiệp, hiệp tan âu đành.⁽¹⁹⁾

Tạo nên nước, nước thành nước bại
Đúc ra người, người đại người khôn
Trách sao lò Tạo ⁽²⁰⁾ không công ⁽²¹⁾
Hễ sanh giống trắng thì không giống vàng.

Hỡi than ôi Nam bang một thẻo ⁽²²⁾
Bốn nghìn năm kẻ kéo người lôi
Non sông bồi đắp, đắp bồi
Lập rồi lại xóa, xóa rồi lập lên.

Liếc mắt trông trên nền quốc giới ⁽²³⁾

Mở miệng kêu này hỡi đồng bào
Cớ sao mà tại vì sao
Dân ta hèn yếu, phong trào kéo xoay.

Cũng tai mắt, mặt mày như kẻ ⁽²⁴⁾
Cũng uống ăn, sinh đẻ như người
Á Đông cũng một phương trời
Riêng chi Úc, Mỹ, chi người Tây Âu.

Cũng đồng sinh trong bầu Tạo Hóa ⁽²⁵⁾
Cũng sống chung trên quả địa cầu
Người sao dân mạnh nước giàu
Cố tàu vượt bể, cố tàu lên mây.

Chế máy móc dựng gầy công nghệ
Lập thương nông, cứu tế,⁽²⁶⁾ quốc phòng
Nào là điện tín, phi công
Nghe xa nghìn dặm, đi không đầy giờ.

Dân tộc ta sao khờ sao dại
Nước nhà ta sao bại sao hư
Không nghề nghiệp, không thiên tư ⁽²⁷⁾
Văn minh công nghệ ai chừ ⁽²⁸⁾ khuếch trương? ⁽²⁹⁾
Sĩ trau chuốt văn chương thi phú

⁽¹⁶⁾ **sắp**: Sắp bày, sắp đặt, tổ chức.

⁽¹⁷⁾ **kỷ sử** 紀史: Sử thành văn, lịch sử được ghi chép lại (*written history*).

⁽¹⁸⁾ **vạn bang** 萬邦: Vạn quốc 萬國, muôn nước, tất cả các nước.

⁽¹⁹⁾ **âu đành**: Cũng đành chịu vậy, không thể khác được.

⁽²⁰⁾ **lò Tạo**: Lò Tạo Hóa, lò Trời. Do câu *Thiên địa vi lô, Tạo Hóa vi công* 天地爲爐, 造化爲工; ý nói trời đất (vũ trụ) là cái lò, Tạo Hóa (ông Trời) là người thợ; mọi việc trong trời đất đều do bàn tay Thợ Trời (*Thiên Công* 天工) nặn ra, cho tròn thì được tròn, bóp méo thì phải méo.

⁽²¹⁾ **không công**: Không công bình.

⁽²²⁾ **một thẻo**: Một rẻo, một dải

⁽²³⁾ **quốc giới** 國界: Biên giới một nước. Ở đây hiểu là lãnh thổ.

⁽²⁴⁾ **như kẻ**: Như những kẻ khác.

⁽²⁵⁾ **bầu Tạo Hóa**: Bầu vũ trụ.

⁽²⁶⁾ **cứu tế** 救濟: Giúp đỡ; ở đây ý nói chung y tế và an sinh xã hội.

⁽²⁷⁾ **thiên tư** 天資: Tài năng bẩm sinh (*innate talent*).

⁽²⁸⁾ **chừ**: Lúc này, bây giờ, giờ đây.

⁽²⁹⁾ **khuếch trương** 擴張: Mở mang (*expanding, broadening*).

Nông kể chi bần phú tương thân ⁽³⁰⁾

Rồng bớt căng, rắn thêm chân

Công tư vết sạch phần dân của làng.

Mạnh hiếp yếu lòng toan góm ghiếc

Giàu dọ nghèo chi xiết rên than

Hỡi ôi con cháu Hồng Bàng

Cũng là máu đỏ, da vàng, đầu đen.

Cướp giựt nhau vì ăn vì mặc

Chém giết nhau vì ghét vì thương

Còn chi đạo lý luân thường ⁽³¹⁾

Cửa nhà xiêu đổ, phong cương ⁽³²⁾ *suy đồi.*

Độc quốc sử dầu sôi sục sục

Xem ⁽³³⁾ *lửa đốt phùng phùng*

Sống chưa đẹp, thác chưa ung

Thôi thôi nhơn sự vui buồn cười khuây.

Dại vì dại mà gây cấu xé

Khôn vì khôn mà để thị phi

Khốn thay khôn dại ra gì

Dại khôn, khôn dại ích chi chẳng là.

Trên thượng giới thiết tha ⁽³⁴⁾ *kinh khủng*

Dưới hạ dân bủn rủn tình thần

Cái mầm vạn quốc chiến tranh

Bởi không đạo đức mà sanh dập dồn.

Tính cũng tính bảo tồn dân tộc

Lo cũng lo bồi đắp dân sinh

Chế ra máy móc thực hành

Không ngờ tư bản tung hoành tóm thâu.

Đứng lên hỡi, kẻ sau người trước

Ngồi xuống than, này nước này non

Cám lòng ⁽³⁵⁾ *thương lũ con con*

Ấn chi mà chịu hao mòn thân sinh.

Ruộng bỏ hoang cây giành cỏ đoạt

Chẳng thiếu chi mỏ bạc mỏ vàng

Không lo khai phá mở mang

Để lo rửa góc vạt đàng gọi khôn.

Đồng bào ơi quốc hồn ⁽³⁶⁾ *xiêu đổ*

Đồng bào ơi then hổ ⁽³⁷⁾ *non sông*

Vì thất học, vì thiếu nông ⁽³⁸⁾

⁽³⁰⁾ **bần phú tương thân** 貧富相親: Kẻ nghèo và người giàu gần gũi, thân mến nhau.

⁽³¹⁾ **luân thường** 倫常: Những mối quan hệ đúng đắn con người phải luôn noi theo, gồm có *ngũ luân* 五倫 (năm mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ chồng, giữa anh chị em, giữa bạn bè) và *ngũ thường* 五常 (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).

⁽³²⁾ **phong cương**: Phong hóa 風化 và cương thường 綱常. **Phong hóa** là tập tục (phong tục) đã được dạy bảo (giáo hóa) và trở thành đạo đức chung cho một nước (*public morals*). Cương thường là *tam cương* (ba mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ chồng) và *ngũ thường*.

⁽³³⁾ Thiếu hai chữ vì đọc không rõ.

⁽³⁴⁾ **thiết tha** 切磋: Đau lòng, rất thương xót.

⁽³⁵⁾ **cám lòng**: Động lòng.

⁽³⁶⁾ **quốc hồn** 國魂: Hồn nước.

⁽³⁷⁾ **then hổ**: Hổ then, xấu hổ, tủi hổ.

⁽³⁸⁾ **thiếu nông**: *Thiếu* 淺 là nông cạn. *Thiếu* (chữ Hán) và *nông*

Suy ngoài xác thịt, kém trong linh hồn.

Kìa Tây Trúc,⁽³⁹⁾ Phật tôn Thiên Đạo ⁽⁴⁰⁾

Kìa Đông Châu,⁽⁴¹⁾ Nho giáo nhân luân ⁽⁴²⁾

Trọng Ni ⁽⁴³⁾ kiến thiết đại đồng

Đại đồng gốc bởi rèn lòng tu thân.

Thân tu dựng xử xong gia đạo ⁽⁴⁴⁾

Gia đạo tề ⁽⁴⁵⁾ hoài bão ⁽⁴⁶⁾ quốc phong ⁽⁴⁷⁾

(thuần Việt) đồng nghĩa.

⁽³⁹⁾ **Tây Trúc** 西竺: Người Hoa gọi Ấn Độ là 天竺 Thiên Trúc. Nước này nằm về phương Tây nên cũng gọi Tây Trúc.

⁽⁴⁰⁾ **tôn** 尊: Tôn trọng (*respecting*). **Phật tôn Thiên Đạo** 佛尊天道: Phật đề cao đạo giải thoát (Thiên Đạo).

⁽⁴¹⁾ **Đông Châu**: Nhà Châu (Chu 周) cai trị Trung Quốc cổ đại trong khoảng tám thế kỷ, phỏng từ năm 1046 tới năm 256 trước Công Nguyên (TCN). Từ năm 771 TCN trở về trước gọi là *Tây Châu* 西周. Từ năm 770 TCN trở về sau gọi là *Đông Châu* 東周. Thời Đông Châu lại chia làm hai thời kỳ nữa là *Xuân Thu* 春秋 (770–476 TCN) và *Chiến Quốc* 戰國 (475–221 TCN). Đức Khổng Tử (551-479 TCN) sống trong thời Đông Châu, trải qua nửa sau thời Xuân Thu. Do đó, thánh giáo dạy: *Kìa Đông Châu, Nho Giáo nhân luân / Trọng Ni kiến thiết đại đồng...*

⁽⁴²⁾ **nhân luân** 人倫: Quan hệ đúng đắn giữa người và người (*right relationships between humans*). Cha ra cha, con ra con là nhân luân. Chồng ra chồng, vợ ra vợ là nhân luân. Thầy ra thầy, trò ra trò là nhân luân. **Giáo** 教: Dạy (*teaching*). **Nho giáo nhân luân** 儒教人倫: Đạo Nho dạy về nhân luân.

⁽⁴³⁾ **Trọng Ni** 仲尼: Tự 字 (*style*) của Đức Khổng Tử.

⁽⁴⁴⁾ **gia đạo** 家道: Phép tắc, khuôn phép, nền nếp trong nhà. **Thân tu dựng xử xong gia đạo**: Ngụ ý nhắc tới nguyên tắc *thân tu nhi hậu gia tề* (trong sách *Đại Học*).

Quốc phong lên đến đại đồng ⁽⁴⁸⁾

Còn đâu phân giống chia dòng mỗi manh.⁽⁴⁹⁾

Nước nước thấy ⁽⁵⁰⁾ Trời Xanh ⁽⁵¹⁾ chường quẩn

Dân dân đồng bè bạn ruột rà ⁽⁵²⁾

Nga là Đức, Đức là Nga

Nam là Pháp đó, Pháp là Nam đây.

Dụng khoa học trước gầy đạo đức ⁽⁵³⁾

Toan đại đồng cần nhất tu thân

Khuếch trương học nghiệp canh nông ⁽⁵⁴⁾

Đồng bào ai có biết không đồng bào?

Mấy nghìn năm phong trào điên đảo ⁽⁵⁵⁾

⁽⁴⁵⁾ **tề** 齊: Được ổn định, đặt để đầu vào đó.

⁽⁴⁶⁾ **hoài bão** 懷抱: Ấp ủ trong lòng (một lý tưởng hay ước vọng cao đẹp).

⁽⁴⁷⁾ **quốc phong** 國風: Truyền thống tốt đẹp lâu đời của một nước. **Gia đạo tề hoài bão quốc phong**: Ngụ ý nhắc tới nguyên tắc *gia tề nhi hậu quốc trị* (trong sách *Đại Học*).

⁽⁴⁸⁾ **Quốc phong lên đến đại đồng**: Ngụ ý nhắc tới nguyên tắc *quốc trị nhi hậu thiên hạ bình* (trong sách *Đại Học*).

⁽⁴⁹⁾ **Còn đâu phân giống chia dòng mỗi manh**: Không còn đâu mỗi gây ra chia rẽ dòng giống.

⁽⁵⁰⁾ **nước nước thấy**: Tất cả mọi nước; hết thấy các nước.

⁽⁵¹⁾ **Trời Xanh**: Cao Xanh, Thượng Đế.

⁽⁵²⁾ **Dân dân đồng bè bạn ruột rà**: Mọi dân tộc đều là bạn bè, anh em ruột thịt.

⁽⁵³⁾ **Dụng khoa học trước gầy đạo đức**: Khoa học phải đặt trên tiền đề (hay nền tảng) đạo đức.

⁽⁵⁴⁾ **học nghiệp canh nông**: Khoa học để phát triển nghề nông.

⁽⁵⁵⁾ **điên đảo** 顛倒: Xáo trộn, rối loạn (*confused*).

Chưa dịp nào chánh giáo phục khai
 Thích, Nho, Gia, Lão nước ngoài⁽⁵⁶⁾
 Ngày nay mới thấy Cao Đài Nam bang.⁽⁵⁷⁾

Cơ hội này Lão toan tận lực
 Quyết làm cho hết sức bình sanh
 Làm cho Nông Viện⁽⁵⁸⁾ đạt thành
 Làm cho nòi giống khỏi giành giựt nhau.

Kêu một tiếng đồng bào ai hỡi
 Đưa tay lên giúp với Lão Thần⁽⁵⁹⁾
 Kẻ lo của, người lo công
 Gầy chung cái cuộc đại đồng sau đây.

Người Nam Bắc, Đông Tây mau lại
 Khách trẻ già, trai gái bươn vô⁽⁶⁰⁾
 Nào ai đã thác⁽⁶¹⁾ xuống mồ
 Cũng mau dậy giúp cơ đồ⁽⁶²⁾ canh nông.

Hỡi than ôi! Có không, không có

Có cùng không ai nỗ riêng chi⁽⁶³⁾
 Nay Trung, Nam, Bắc ba kỳ
 Đại đồng muốn đến quản gì công lao.⁽⁶⁴⁾

Có ai nào
 Hỡi anh hào⁽⁶⁵⁾
 Phải làm sao?

Làm sao dân đảng no lòng
 No lòng ấm cất⁽⁶⁶⁾ còn mong mỗi gì.

Thôi, Ta chào lui.

SUY NIỆM 1

1.1. Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ dạy bài này tại thánh thất Trung Thành vào Thứ Tư 08-02-1939 (20-12 Mậu Dần). Bấy giờ thánh thất ở trên đường Đỗ Hữu Vị,⁽⁶⁷⁾

⁽⁵⁶⁾ **Thích, Nho, Gia, Lão nước ngoài:** Các tôn giáo như Thích (Phật), Nho (Khổng), Gia Tô (Thiên Chúa), Lão (Đạo Giáo) đều từ nước ngoài truyền vào Việt Nam.

⁽⁵⁷⁾ **Ngày nay mới thấy Cao Đài Nam bang:** Ngày nay mới thấy đạo Cao Đài là tôn giáo có nguồn gốc Việt Nam. Cao Đài xuất phát tại Việt Nam nên được gọi là tôn giáo bản địa (*indigenous*), tôn giáo nội sinh (*endogenous*).

⁽⁵⁸⁾ **Nông Viện:** Xem *Suy Niệm 1.4*. ở cuối bài này (tr. 59).

⁽⁵⁹⁾ **giúp với Lão Thần:** Giúp Lão Thần với.

⁽⁶⁰⁾ **bươn vô:** Hăng hái tham gia, ráng sức góp phần.

⁽⁶¹⁾ **thác:** Chết, qua đời.

⁽⁶²⁾ **cơ đồ** 基圖: Sự nghiệp to tát (*undertaking, career*).

⁽⁶³⁾ **nỗ riêng chi:** Chẳng riêng gì.

⁽⁶⁴⁾ **quản gì công lao:** Ngại gì, nề hà chi tốn công mệt sức.

⁽⁶⁵⁾ **anh hào** 英豪: Anh hùng hào kiệt, người tài giỏi.

⁽⁶⁶⁾ **ấm cất:** Ấm lưng, tức là được mặc ấm. **no lòng ấm cất:** Được ăn no và mặc ấm, không bị đói lạnh.

⁽⁶⁷⁾ **Đỗ Hữu Vị** sinh ngày 17-02-1883 tại Chợ Lớn, là con út của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương (1841-1914), người giàu hàng thứ nhì tại Nam Kỳ thuộc Pháp, đứng sau Huyện Sỹ Lê Phát Đạt (1841-1900). Năm 1904 ông Vị trúng tuyển vào trường võ bị Saint-Cyr (Pháp) và tốt nghiệp năm 1906 với hàm thiếu úy bộ binh. Khoảng năm 1910 ông học lái máy bay quân sự, được cấp bằng

nay là đường Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Địa điểm này từ năm 1960 là thánh tịnh Trung Tông. Thánh thất Trung Thành hiện nay (đủ tam đài) tại số 101 đường Lê Đình Dương,⁽⁶⁸⁾ quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, được khánh thành năm 1998 (xem trang 52). Vào năm 1960, khi từ đường Đỗ Hữu Vị dời ra đây (số cũ là 43 đường Lê Đình Dương), thánh thất chưa đủ tam đài (xem trang 53, ảnh dưới).

Ban sơ, các bậc hướng đạo Cao Đài ở Trung Kỳ mua được khu đất (khoảng 4.000 thước vuông) trên đường Đỗ Hữu Vị. Tiền khai Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang (1870-1946) thay mặt bốn đạo đứng tên làm chủ khu đất và dùng họ tên theo giấy tờ tùy thân của ngài là Hà Văn Thuần (thật ra đây là tên một người khác). Năm 1937 các vị hướng đạo Trung Kỳ cất ba gian nhà gỗ lợp tranh để tạm làm thánh thất Trung Thành. Gian giữa thiết trí Thiên Bàn, phía sau có phòng khách, và nơi ngồi nghỉ của tiền khai Trần Đạo Quang. Đông

phi công (cơ phó) năm 1911. Sau vụ rớt máy bay năm 1915 ông mất sức, và chuyển sang bộ binh năm 1916 với hàm đại úy. Ngày 09-7-1916 trong khi giao chiến với quân Đức, ông tử trận tại chiến trường sông Somme (ở Picardy, miền bắc nước Pháp). Người Pháp đặt tên ông cho một con đường ở Đà Nẵng. Con đường Đỗ Hữu Vị ở quận 1, Sài Gòn, có từ ngày 29-3-1917, sau đổi thành đường Huỳnh Thúc Kháng từ ngày 22-3-1955.

⁽⁶⁸⁾ Lê Đình Dương người làng Đồng Mỹ (Phú Mỹ), tổng Phú Khương, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông là bào huynh bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám (1897-1969, cư sĩ nhà Phật). Ông Dương tốt nghiệp y sĩ (1915), làm việc tại bệnh viện Hội An, gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội. Năm 1916 thực dân Pháp bắt ông, giam ở Khánh Hòa, rồi đày lên Ban Mê Thuột. Chí sĩ Lê Đình Dương hy sinh trong tù năm 26 tuổi.



Thánh thất Trung Thành (101 Lê Đình Dương, Đà Nẵng) từ năm 1998.
Ảnh: Đạt Linh, Đạt Truyền.



Tháng 5-1938: Thánh thất Trung Thành (đường Đỗ Hữu Vị, Đà Nẵng).
Tiền khai Trần Đạo Quang (x) và quan khách đời, đạo trong dịp
tổ chức đại hội Long Vân Đệ Bát và khánh thành thánh thất.



Thánh thất Trung Thành (43 Lê Đình Dương, Đà Nẵng) từ năm 1960.

lang dành cho phái nữ và nhà bếp. Tây lang dành cho các
hướng đạo và khách phương xa lưu trú.

Thánh thất Trung Thành sau đó được xây dựng kiên cố và
khánh thành ngày 14-4 Mậu Dần (Thứ Sáu 13-5-1938) theo
thánh lệnh Đức Chí Tôn. Ngày hôm trước, đại hội Long Vân
Đệ Bát do Liên Hòa Tổng Hội tổ chức được khai mạc tại
thánh thất này (xem trang 53, ảnh trên).

1.2. Trước nỗi dân trí yếu kém, dân sinh sa sút, và đất
nước cứ mãi lạc hậu so với các nước phương Tây, Đức Chơn
Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ than thở như sau:

*Cũng đồng sinh trong bầu Tào Hóa
Cũng sống chung trên quả địa cầu
Người sao dân mạnh nước giàu
Có tàu vượt bể, có tàu lên mây.*

*Chế máy móc dựng gầy công nghệ
Lập thương nông, cứu tế, quốc phòng
Nào là điện tín, phi công
Nghe xa nghìn dặm, đi không đầy giờ.*

*Dân tộc ta sao khờ sao dại
Nước nhà ta sao bại sao hư
Không nghề nghiệp, không thiên tư
Văn minh công nghệ ai chừ khuếch trương?*

Những dòng thánh thi tha thiết này khiến chúng ta nhớ lại
vào năm 1863 quan đại thần Phan Thanh Giản làm chánh sứ
dẫn đầu sứ bộ sang kinh đô Paris hoa lệ của Pháp. Nhờ vậy
ngài có dịp tận mắt nhìn thấy và được dài ngày trải nghiệm
những tiến bộ khoa học – kỹ thuật của phương Tây.

Thật vậy, Quan Phan và đoàn sứ thần đã biết thế nào là tàu thủy tân tiến của Pháp thời đó khi lần lượt đi nhờ các tàu của họ từ cảng Đà Nẵng vào cảng Sài Gòn (ngày 21-6), từ đây ghé cảng Alexandrie (Ai Cập, ngày 04-7), cập cảng Toulon (phía nam nước Pháp, ngày 09-9), được thăm xưởng đóng tàu và cuộc diễn tập thủy chiến của họ, rồi dừng ở cảng Marseille (phía nam nước Pháp, ngày 12-9).

Sau đó, sứ bộ Việt lần đầu tiên được đi xe lửa trên hành trình từ Marseille đến Paris (ngày 13-9). Trong thời gian lưu lại Paris để chờ yết kiến hoàng đế Napoléon, sứ bộ được đưa đi thăm xưởng dệt thảm, nhà máy, v.v...⁽⁶⁹⁾

Nhưng một sự kiện rất ấn tượng với sứ bộ có lẽ là việc các vị được chụp ảnh. Trong sáu thập niên đầu thế kỷ 19, từ Nicéphore Niépce (1816, Pháp) tới James Clerk Maxwell (1861, Tô Cách Lan), kỹ thuật nhiếp ảnh dần dần được các nhà khoa học nối tiếp nhau cải thiện, để đến năm 1863 thì những ông quan Việt Nam vốn chỉ biết nghệ thuật vẽ truyền thần phương Đông đã sửng sốt khi mục kích những tấm ảnh chụp diện mạo, hình dáng của họ sắc sảo như thể được tạo ra bằng ma thuật. Và người chụp ảnh cho quan Phan và sứ bộ tại kinh thành Paris chính là Jacques-Philippe Potteau (Pháp, 1807-1876).

Những ấn tượng về tiến bộ khoa học – kỹ thuật của Pháp (hay phương Tây) trong nhiều lãnh vực đã khiến quan Phan khi hồi hương, vào triều tấu trình mọi việc với vua Tự Đức đã kết luận bằng hai câu ngắn gọn:

⁽⁶⁹⁾ Nguyễn Duy Oanh, *Phan Thanh Giản: Cuộc Đời & Tác Phẩm* (bản in tháng 8-2003 đã dẫn), tr. 136-137.

*Bá ban xảo kế, tề thiên địa
Duy hữu tử sanh, Tạo Hóa quyền.*⁽⁷⁰⁾

(Mọi nghề khéo léo ngang trời đất
Chỉ riêng sống chết phải nương Trời.)

Đã trông rộng thì ắt nhìn xa. Quan Phan hẳn thấy trước cái họa vong quốc của Việt Nam, nên đã tâu lên vua Tự Đức những việc cần kíp phải làm ngay, canh tân ngay những chính sách thủ cựu. Thế nhưng triều đình đều bỏ ngoài tai tất cả. Vị lão thần rút cuộc đành cam than thở:

*Từ ngày đi sứ đến Tây kinh⁽⁷¹⁾
Thấy việc Âu châu phải giết mình
Kêu rú đồng bang⁽⁷²⁾ mau thức dậy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.*

Rõ ràng, lúc vận nước lâm nguy, quan Phan đã lãnh vai trò một nhà “tiền hô” (*precursor*), nhưng thất bại.

1.3. Trong thánh giáo này, cả thầy có bốn lần Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản tự xưng *Lão Thần*; chỉ duy lúc chào lui thì ngài mới xưng *Ta*.

Lão Thần nghĩa là *người bề tôi già*. Sau bảy mươi hai năm, từ khi nâng chén đắng rời xa cơn trường mộng, lúc giáng cơ năm 1939, Đức Thánh Phan không còn là vị quan cao tuổi với áo mão cân đai; vậy sao ngài vẫn tự xưng *Lão Thần*?

Đừng nghĩ lầm rằng một anh linh đã rũ bỏ xác thân tứ đại,

⁽⁷⁰⁾ 百般巧計齊天地 / 惟有生死造化權.

⁽⁷¹⁾ **Tây kinh** 西京: Kinh thành nước Pháp.

⁽⁷²⁾ **đồng bang** 同邦: Người trong cùng một nước; đồng bào.

bấy lâu đã tự tại tiêu dao nơi non Bồng nước Nhược mà còn “luyến” chút danh vị hư ảo trần ai. Không, không phải thế đâu.

Qua phần *Đức Độ Ngài Phan Thanh Giản* trên đây, chúng ta biết rằng khi ghé qua làng Hanh Thông thăm bạn học cũ là Phan Dĩ Thử, để giúp bạn hiền xóa bỏ nỗi ái ngại vì khoảng cách giữa một nông phu thanh bần và một đại thần phẩm cao tước trọng, ngài Phan đã nói thế này:

Cái phẩm tước ấy là để mà châu chực nơi chốn triều đình, và để mà vỗ trị trong hàng dân dã, chớ lẽ nào dùng cái phẩm tước ấy mà khoe với thân tộc họ hàng, và cũng chẳng phải đem nó ra mà dùng với người thân bằng cố hữu.(tr. 32)

Quả thật, ngài vốn chẳng xem phẩm tước triều đình là cái để mà cao ngạo, để mà vinh vang như phần đông thói tục. Bình sinh đã thế, thì lúc từ cõi trời trở lại hồng trần, há đâu Đấng Chơn Thánh lại dễ dàng vương bụi.

Vậy, khi tự xưng *Lão Thần* trên ngọn linh cơ, phải chăng ngài ngầm gợi gắm chúng ta một ẩn ý? Vâng, có hai ẩn ý.

Một là, ngài muốn chúng ta hiểu rằng tuy đã thoát tục, nhưng ngài vẫn luôn nặng lòng với tình dân nghĩa nước như thuở nào mảnh thân già mãi oằn vai gầy một gánh giang sơn. Thế nên, trước khi dạy đạo, Đức Thánh Phan bộc lộ can trảng:

Lão Thần những tưởng bày thước thân sinh này đã đành phụ nghĩa non sông, một bầu tâm sự này đã đành quên dòng quên giống đi rồi. Không! Không đâu! Lão vẫn còn, còn thương còn tiếc, còn thở còn than.

*Còn con còn cháu Hồng Bàng
Còn trời còn đất, Lão còn như xưa.*

Hai là, ngài được Thiên Đình ban ơn cho phép trở lại với con dân nước Việt để tiếp tục nghĩa vụ một “nguyên công dân” (*ex-citizen*). Thế thì, những môn đệ Cao Đài đang quỳ trước ngọn linh cơ há có thể quên bốn phận công dân trong thời ly loạn, nhà tan nước mất hay sao? Những người con áo trắng luôn tự hào với sứ mạng Kỳ Ba há có thể thờ ơ được chẳng trước tiếng gọi tha thiết của ngài?

*Kêu một tiếng đồng bào ai hỡi
Đưa tay lên giúp với Lão Thần
Kể lo của, người lo công
Gầy chung cái cuộc đại đồng sau đây.
Người Nam Bắc, Đông Tây mau lại
Khách trẻ già, trai gái bươn vô
Nào ai đã thác xuống mồ
Cũng mau dậy giúp cơ đồ canh nông.*

Trên dải đất Trung Kỳ thiên nhiên khắc nghiệt, nơi mà hầu như thường xuyên lâm vào cảnh *mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn*,⁽⁷³⁾ thì tất nhiên phải ưu tiên chăm lo vấn đề dân sinh trước hơn dân trí và dân đức (*có thực mới vực được đạo*); thế nên Đức Thánh Phan nêu ra mục tiêu cụ thể:

*Làm sao dânặng no lòng
No lòng ấm cật còn mong mỗi gi.*

Và trong một xã hội vốn có truyền thống lâu đời là *dĩ nông*

⁽⁷³⁾ Trích lời trường ca *Hội Trùng Dương*, sáng tác của Phạm Đình Chương (1929-1991).

vi bản, để giải quyết vấn đề dân sinh phải lấy canh nông làm đầu mối. Đó là lý do khi dạy bốn đạo Trung Kỳ bài này, Đức Phan Chơn Thánh đã cổ động Nông Viện:

*Cơ hội này Lão toan tận lực
Quyết làm cho hết sức bình sanh
Làm cho Nông Viện đạt thành
Làm cho nòi giống khỏi giành giựt nhau.*

1.4. Về Nông Viện của bốn đạo miền Trung thuở trước, khái quát mấy nét cần ghi nhớ như sau:

Quyền Hội Thánh Trung Kỳ (tiền thân của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, hình thành năm 1956) ra đời ngày 15-01 Kỷ Mão (Chủ Nhật 05-3-1939). Nhưng giữa năm Mậu Dần (1938), Ôn Trên đã giảng cơ hướng dẫn việc tổ chức Nông Viện (nằm trong Cửu Viện), giao tiền bối Trần Nguyên Chất (1893-1950) phụ trách. Nông Viện có nhiệm vụ phát triển dân sinh, xây dựng đời sống mới trong cộng đồng Cao Đài.

Đức Thánh Trần Hưng Đạo giảng cơ, dạy tìm địa điểm để thiết lập nông trang hay nông xã (là cơ sở của Nông Viện). Các bậc hướng đạo miền Trung chọn được ở quận Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam) vùng đất Cờ Vĩ (rộng 250 mẫu), thuộc làng Phước Hội (dân địa phương gọi là Sẻ), cách làng Tứ Trung (dân địa phương gọi là Tỷ) một khe sông. Nơi đây sẵn có bốn đạo Thiên bàn Tứ Trung hậu thuấn,⁽⁷⁴⁾ có sông Thu Bồn

thuận lợi cho việc vận chuyển.

Các bậc hướng đạo phụ trách Nông Viện khuyến khích những “lực nông” không có đất ruộng tham gia chương trình khuếch trương canh nông. Họ được tổ chức thành đội ngũ. Mỗi lực nông được cấp hai sào làm đất thổ cư và một mẫu làm đất canh tác. Cứ mười hai lực nông lập thành một tiểu nông xã, và họ cố gắng góp vốn, góp sức canh tác chung.

Mỗi tiểu nông xã được phân chia theo phép *tĩnh điền* 井田 như thời cổ; nghĩa là chia đất theo hình chữ *tĩnh* 井 gồm chín khu: Khu chính giữa là đất chung của Hội Thánh; tám khu chung quanh là của các lực nông tham gia khai phá.⁽⁷⁵⁾

Bao nhiêu nước chảy qua cầu, chương trình Nông Viện giờ đây chỉ còn vang bóng trong những trang sử đạo kiêu hùng của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, từng được viết lên bằng cả những dòng máu thắm đỏ của hàng hàng lớp lớp những người con áo trắng bất khuất, trung kiên với Thầy, với Đạo.

Ôn học, tìm hiểu thánh giáo Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản, và có dịp nhìn về những dấu chân phía trước của tiền nhân, liệu đàn hậu tấn có vương vấn chút tâm tư, tình cảm nào chăng?

Phú Nhuận, 25-9-2018

⁽⁷⁴⁾ Ngày xưa hoàn cảnh tu học ở miền Trung còn quá khó khăn, nhiều đạo hữu không tiện lập Thiên bàn tại nhà. Để lễ bái, bốn đạo tập trung tại thánh xá của xã đạo (chưa phải là thánh thất của họ đạo). Khi tựu về thánh xá, bốn đạo quen nói là về Thiên bàn, nhưng ngầm hiểu là về thánh xá.

⁽⁷⁵⁾ Phạm Văn Liêm, *Trên Đường Thiên Lý*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 116, 123, 124.

2. NÊN QUÊN MÌNH XẢ THÂN CẦU ĐẠO

Thánh thất Trung Thành (Đà Nẵng)
ngày 03-6 Bính Tuất (Thứ Tư 11-7-1945)

THI

Non Nam tiếng phụng ⁽¹⁾ *trối vang dầy* ⁽²⁾
Mạt kiếp cơ Trời gặp đối thay
Kẻ có cơ duyên còn với Đạo
Người không thiện hạnh biết đâu Thầy ⁽³⁾
Dựng cơ khảo thí ⁽⁴⁾ *phân phàm Thánh* ⁽⁵⁾

⁽¹⁾ **phụng:** 鳳: Loài chim thần thoại. Phụng (phượng) là con trống (*male phoenix*); **hoàng** 凰 là con mái (*female phoenix*). Dân gian thường nói ghép *phụng hoàng*, không phân biệt trống mái. Chim phụng xuất hiện báo hiệu một thời đại mới tốt đẹp sắp mở màn. Trong câu thánh thi mở đầu, *tiếng phụng* là ẩn dụ (*metaphor*), ám chỉ những lời giáo hóa, khuyến tu của Trời Phật, Tiên Thánh, và các Đấng thiêng liêng trong Kỳ Ba cứu thế ban truyền qua các đàn cơ trong mấy mươi năm liền.

⁽²⁾ **vang dầy:** Vang dầy khắp nơi.

⁽³⁾ **thiện hạnh** 善行: Đức hạnh, hạnh tốt (*good virtue*). **biết đâu Thầy:** Đâu biết có Thầy (Thượng Đế) ngự trị. **Người không thiện hạnh biết đâu Thầy:** Người không có hạnh lành tánh thiện thì không biết, không tin có Trời Phật ngự trị, do đó họ dễ làm quấy, làm ác, không chịu tu hành.

⁽⁴⁾ **khảo thí** 考試: Tổ chức thi cử để xét trình độ học hành, tu tập.

⁽⁵⁾ **phân phàm Thánh:** Phân phàm lọc Thánh. Chọn trong số người

Chuyển cuộc tuần hoàn ⁽⁶⁾ *thử dử hay* ⁽⁷⁾
Ai biết sớm toan ⁽⁸⁾ *hành chánh pháp* ⁽⁹⁾
Nam bang ⁽¹⁰⁾ *hồng phước* ⁽¹¹⁾ *gặp Cao Đài.*

PHAN THANH GIẢN

Lão Thần chào chư Hội Thánh,⁽¹²⁾ chư chức sắc Lễ Sanh.

THI

Cao Đài thị hiện ⁽¹³⁾ *giữa phàm gian* ⁽¹⁴⁾
Kêu gọi cùng nhau tỉnh mộng hoàng ⁽¹⁵⁾
Bởi thấy cuộc đời nhiều lý tưởng ⁽¹⁶⁾
Quyết đem nhau lại một cơ quan ⁽¹⁷⁾

phàm tục lựa ra những người có hạnh Thánh (đạo đức).

⁽⁶⁾ **tuần hoàn** 循環: Xoay vòng. Theo thứ tự mà chuyển vần, lặp lại (*cyclically circulating*). Vũ trụ xoay chuyển lần lượt từ thượng nguồn sang trung nguồn rồi hạ nguồn. Hết hạ nguồn thì trở về thượng nguồn. Đó là cuộc tuần hoàn của vũ trụ cần khôn.

⁽⁷⁾ **thử dử hay:** Thử thách (*testing*) để biết ai dở, ai hay.

⁽⁸⁾ **sớm toan:** Mau lo liệu, sớm toan tính.

⁽⁹⁾ **hành chánh pháp** 行正法: Làm theo (thực hành) đường lối tu hành chơn chánh (*practising the true dharma*).

⁽¹⁰⁾ **Nam bang** 南邦: Nước Nam, nước Việt Nam.

⁽¹¹⁾ **hồng phước** 洪福: Phước lớn.

⁽¹²⁾ **chư Hội Thánh:** Chư vị trong Hội Thánh (?).

⁽¹³⁾ **thị hiện** 示現: Bày ra, hiện ra cho mọi người thấy (*appearing*).

⁽¹⁴⁾ **phàm gian** 凡間: Trần gian, cõi phàm, cõi trần.

⁽¹⁵⁾ **tỉnh mộng hoàng:** Tỉnh thức, đừng mê say theo ảo mộng giàu sang và quyền lực. Xem *Suy Niệm 2.1*. ở cuối bài này (tr. 65).

⁽¹⁶⁾ **nhiều lý tưởng** 多理想: Nhiều học thuyết xã hội, chủ nghĩa, hệ tư tưởng, giáo lý khác nhau đề ra những lý tưởng mong muốn cải thiện cuộc đời. Xem *Suy Niệm 2.2*. ở cuối bài này (tr. 67).

*Giữa khi đời đạo chưa hòa hiệp
Gặp lúc phong ba⁽¹⁸⁾ biết đá vàng⁽¹⁹⁾
Ai nắm lái lèo, ai chống cạy⁽²⁰⁾
Lướt trên sóng gió vững con thuyền.⁽²¹⁾*

Chư hành sự⁽²²⁾ ôi! Cơ đạo hiện thời lắm hồi chua le,⁽²³⁾ lòng người ngơ ngẩn,⁽²⁴⁾ chưa biết phân biện chánh tà. Mà đôi khi Lão thấy chư hiền cũng vì đó mà đem dạ ngờ nghi. Hãy lấy công tâm mà phán đoán thì hiểu ngay. Đó là cơ chọn lựa của Chí Tôn đã lựa lọc kỹ càng, để cho chư hiền càng thấy thêm cách hành động của mình là chân thiện mỹ.

Cớ sao⁽²⁵⁾ Lão thấy chùa bể thất niệm,⁽²⁶⁾ em tù anh tội⁽²⁷⁾

⁽¹⁷⁾ **cơ quan** 機關: Một bộ máy hay tổ chức thi hành một chức năng đã xác định rõ (*an organ; an organization performing a specified function*). Ở đây có thể hiểu bộ máy (cơ quan) này là tôn giáo Cao Đài.

⁽¹⁸⁾ **phong ba** 風波: Gió và sóng, sóng gió. Lúc gian khó, nguy hiểm.

⁽¹⁹⁾ **biết đá vàng**: Biết ai thật sự trung kiên, bền lòng chặt dạ với Đạo Thầy, bất chấp mọi hiểm nguy đe dọa.

⁽²⁰⁾ **cạy**: Bẻ lái hoặc chèo để đổi hướng thuyền qua trái hay phải.

⁽²¹⁾ **con thuyền**: Con thuyền.

⁽²²⁾ **chư hành sự**: 諸行事: Các vị đang có trách vụ thi hành đạo sự hay việc đạo (*executives*).

⁽²³⁾ **chua le**: Chua lăm, quá khó chịu.

⁽²⁴⁾ **ngơ ngẩn**: Không chú ý xung quanh, tâm trí đang để ở đâu đâu.

⁽²⁵⁾ **cớ sao**: Tại sao, do đâu, vì sao.

⁽²⁶⁾ **chùa bể thất niệm**: Các thánh thất Cao Đài bị thực dân Pháp niêm phong, đóng cửa, không cho sinh hoạt tu học. Sử liệu: Trong những năm 1940-1943 mức độ đàn áp đạo Cao Đài càng gia tăng khốc liệt trên cả nước. Nghị Định số 72 ngày 03-5-1940 của Toàn Quyền Đông Dương Joseph Jules Brévié (nhiệm kỳ từ 14-01-

trong vòng nô lệ buộc dè mà chư hiền đủ chí phấn đấu của mình, quyết liệt trên đường lý tưởng. Còn nay cơ đạo hoằng khai, lòng người hối mộ,⁽²⁸⁾ Lão ngó lại chư hành sự còn dạ thờ ơ như đường lãnh đạm.

Ôi, khổ đến thế! Khờ chi hung⁽²⁹⁾ mà để cho thế lực tà quyền đoạt hết lương tâm chí hướng. Rồi bao nhiêu công quả, công trình bán rẻ cho không mà mua lấy chút danh vô vị.⁽³⁰⁾

Lão nhắc lại, luật Thiên điều, trường Long Hoa⁽³¹⁾ tuyển khảo. Ai có phước có phần, có duyên có quả mới chịu vững cho cuộc khảo thí ma luyện⁽³²⁾ môn đồ. Con sóng to gió dữ là lúc đời khảo thí.

1937 đến 19-5-1940) cấm treo cờ phướn có dấu hiệu chữ Vạn. Các thánh sở Cao Đài thường gắn chữ Vạn 卐 trên mái, nóc vì thế đều bị liên lụy. Lý do có lệnh cấm này vì trong Thế Chiến thứ Hai (1939-1945), lá cờ Đức Quốc Xã có dấu hiệu chữ Vạn nghiêng 𐍘. (Huệ Khải, *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 20.)

⁽²⁷⁾ **anh tù em tội**: Chức sắc (đàn anh) và đạo hữu (đàn em) đều bị tù tội. Sử liệu: Tại Trung Kỳ, các nhà lao Dakto (huyện Dakto, tỉnh Kon Tum), Trà Khê (huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi), Phú Bài (huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên), v.v... giam giữ nhiều tín đồ Cao Đài Trung Kỳ. (*Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950*, tr. 20-21.)

⁽²⁸⁾ **hối mộ**: 匯慕: Các nơi đều hướng về với lòng mến mộ.

⁽²⁹⁾ **khờ chi hung**: Khờ chi cho lăm, đại chi cho nhiều.

⁽³⁰⁾ **danh vô vị**: Danh hão, chẳng nghĩa lý gì cả.

⁽³¹⁾ **trường Long Hoa**: Trường thi Long Hoa.

⁽³²⁾ **ma luyện** 摩練: Mài giũa luyện tập.

Các hiền cũng như hạt gạo trên sàng. Hạt gạo ấy đã chịu biết bao lần xay chà, giã đập mà không hề hấn, mẻ sút. Được vậy mới cao mới quý. Mà đó là mới bước đầu tiên thi sơ bài tiểu học.

Chứ đến đây rồi luật Thiên điều giảng thẳng, nhất khít như là lỗ tròn kim. Ai mà ôm danh cầu lợi, bản ngã tư tâm, vị thân ích kỷ khó nổi⁽³³⁾ chen vào. Luật ấy vô tư, không hạn⁽³⁴⁾ Thiên phong, đạo hữu.

Vậy chư hiền nên quên mình đi⁽³⁵⁾ mà xả thân⁽³⁶⁾ cầu đạo, mau lo cho kịp ngày Long Hoa đăng bảng, minh thánh ra đời, mới được ngàn năm không uống.

Lão chào. Lão lui.

SUY NIỆM 2

2.1. Mộng hoàng (hoàng lương mộng 黃梁夢) là giấc mộng kê vàng.

Theo *Chấm Trung Ký* 枕中記 của Thẩm Ký Tế 沈既濟 (đời Đường, Trung Quốc), vào năm 719 có anh học trò họ Lô (hay

⁽³³⁾ **khó nổi**: Khó có thể.

⁽³⁴⁾ **không hạn**: Không phân biệt, không chừa ra.

⁽³⁵⁾ **quên mình đi**: Vong kỷ, vong ngã, bỏ cái ta nhỏ hẹp để đủ lòng quảng đại lo cho việc lớn.

⁽³⁶⁾ **xả thân** 捨(舍)身: Không tiếc thân mình, bất kể sống chết.

Lư) 盧 thi rớt. Từ kinh đô trở về quê, khi ghé quán trọ ở Hàm Đan (nay là một thị trấn thuộc tỉnh Hà Bắc), tình cờ anh gặp đạo sĩ họ Lữ (hay Lã) 呂. Nghe Lô than thở về cảnh nghèo, đạo sĩ lấy một cái gối (*chấm* 枕: *pillow*), bảo anh kê đầu lên ngủ, mọi việc sẽ như ý. Bấy giờ chủ quán đang nấu cháo kê (*hoàng lương* 黃梁 là hạt kê màu vàng; *golden millet*).

Lô ngủ say, nằm mơ thấy cưới vợ xinh đẹp, nết na. Lô đậu tiến sĩ, làm quan to, thăng tới chức ngự sử, rồi quốc công... Năm người con trai đều làm quan lớn, lấy vợ danh giá. Năm Lô tám mươi tuổi, bệnh rồi chết. Tới đó thì anh chàng tỉnh mộng, thấy đạo sĩ ngồi bên cạnh, nồi cháo kê vẫn chưa chín.

Di bản: Sang đời Minh, nhà soạn kịch Thang Hiến Tổ 湯顯祖 (1550-1616) sáng tác *Hàm Đan Ký* 邯鄲記, đã cho đạo sĩ họ Lữ chính là Lữ (Lã) Nham 呂嵒(巖), tức Lữ Động Tân 呂洞賓, một vị trong Bát Tiên.

Cũng vào đời Minh, khi viết tiểu thuyết *Đông Du Ký Thượng Đổng Bát Tiên Truyện* 東遊記上洞八仙傳 (người Việt quen nói tắt là *Đông Du Bát Tiên*) Ngô Nguyên Thái 吳元泰 đã đổi học trò họ Lô ra Lữ (Lã) Nham, đổi đạo sĩ họ Lữ ra ngài Chung Tổ (Chung Ly Quyền 鐘離權, một vị trong Bát Tiên).

Theo *Đông Du Bát Tiên*, năm sáu mươi bốn tuổi ngài Lữ Nham gặp Đức Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nồi kê vàng, ngài Lữ nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đày, gia sản bị tịch biên... Ngài Lữ giật mình tỉnh dậy thấy nồi kê nấu

vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê, ngài Lữ giác ngộ lẽ vô thường, chán chường tuồng ảo hóa, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo Tiên.

Do tích này, văn học nói giấc mộng hoàng, mộng huỳnh, mộng hoàng lương (*hoàng lương mộng* 黄梁梦: *dream of golden millet*), giấc kê vàng với ý nghĩa là ảo mộng giàu sang và quyền lực (*illusions of wealth and power*).

Trong cặp đề bài bát cú thứ hai (*Cao Đài thị hiện giữa phàm gian / Kêu gọi cùng nhau tỉnh mộng hoàng*), Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản khuyên người đời tỉnh ngộ, thay vì đuổi theo ảo mộng giàu sang và quyền lực, nên biết tìm đường tu hành nhân khi đạo Cao Đài ra đời

2.2. Cặp thực bài bát cú thứ hai có hai ý:

- Với lý tưởng cải tạo xã hội để xây dựng hạnh phúc cho con người, nhiều học thuyết, triết lý, ý thức hệ, v.v... xuất hiện trên thế giới vào nửa đầu thế kỷ 20, tạo nên những phong trào gây được ảnh hưởng ở nhiều nước, và Việt Nam không là ngoại lệ. Bởi vậy, năm 1939, trong bài thánh giáo *Cổ Động Nông Viện* (tr. 42), Đức Thánh Phan dạy: *Việt Nam thay đổi mấy phong trào*. Sáu năm sau đó, trong thánh giáo này, Đức Thánh Phan gọi chung những học thuyết, triết lý, ý thức hệ ấy là *lý tưởng (ideals)*: *Bởi thấy cuộc đời nhiều lý tưởng*.

- Tôn chỉ đạo Cao Đài là *Quy Tam Giáo (Khổng, Lão, Thích)*, *hiệp Ngũ Chi (Nhân Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo)*. Câu thánh thi *Quyết đem nhau lại một cơ quan* liên quan tôn chỉ này.

2.3. Cặp luận bài bát cú thứ hai cũng có hai ý:

- *Giữa khi đời đạo chưa hòa hiệp*: Đời chưa hòa hiệp với đạo (tôn giáo) thì đời nghi ngờ và chẳng ngại ban hành luật lệ ngăn cấm tôn giáo. Ngoài Nghị Định số 72 ngày Thứ Sáu 03-5-1940 của Toàn Quyền Đông Dương Joseph Jules Brévié,⁽³⁷⁾ sau đây là ba trong số nhiều bằng chứng khác:

a. Lúc đạo Cao Đài vừa nhóm chân bước ra Trung Kỳ, một thông tư ngày Thứ Năm 26-01-1928 của Cơ Mật Viện triều đình Huế đã sớm ngăn cấm:

Gần đây nghe được có tân giáo tức là hội Tin Lành và đạo Cao Đài truyền giáo tại xứ Nam Kỳ đã nhiều, mới đây đã tràn ra vài tỉnh phía Nam Trung Kỳ, (...).

Vậy nên thương đồng với với các quan công sứ, cấm chỉ tân giáo ấy và đạo Cao Đài, chớ cho truyền bá lưu hành trong hạt Trung Kỳ; hễ không tuân thời chiếu luật nghĩ trị.⁽³⁸⁾

b. Năm sau, ngày Thứ Tư 06-3-1929, triều đình Huế ra tiếp Thông Tư số 40 nhắc lại lệnh cấm dân chúng theo đạo Cao Đài và cấm truyền đạo Cao Đài ở Trung Kỳ.⁽³⁹⁾

c. Sáu năm sau đó, Thượng Thư Bộ Lễ triều đình Huế là Tôn Thất Quảng⁽⁴⁰⁾ ra Thông Tri số 1104, ngày Thứ Tư 19-6-1935, gọi các quan tỉnh Trung Kỳ, nhắc lại rằng những người vi phạm lệnh cấm đạo Cao Đài sẽ bị truy tố, và ra lệnh:

Tôi yêu cầu các ông xem xét kỹ việc các Tri Phủ, Tri Huyện

⁽³⁷⁾ Xem tr. 63, chú thích (20).

⁽³⁸⁾ Huệ Khải, *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950*, tr. 15.

⁽³⁹⁾ *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950*, tr. 16.

dưới quyền thông báo cho dân chúng biết về lệnh cấm này và các quy định của Thông Tri này phải được chấp hành nghiêm ngặt.

Qua các quan Công Sứ ở các tỉnh, xin các ông vui lòng báo cáo ngay cho tôi biết về bất kỳ một biểu hiện nào có tính cách Cao Đài.⁽⁴¹⁾

- *Gặp lúc phong ba biết đá vàng*: Vì lòng trung thành với lý tưởng của mình, trong hoàn cảnh bị cấm đạo như nói trên, người môn đệ Cao Đài khó tránh khỏi bị bách hại. Giữa thập niên 1940, rất nhiều bổn đạo Cao Đài miền Trung của một số Hội Thánh *gặp lúc phong ba* không hề lay chuyển đức tin và đã tử đạo để tỏ rõ tấm lòng *đá vàng* trung kiên, bất biến. Thật vậy, tạm nêu hai sự kiện để minh chứng:

a. Hằng năm tại thị trấn La Hà (huyện Tư Nghĩa, tỉnh

⁽⁴⁰⁾ Tôn Thất Quảng (1883-1972) nghỉ hưu năm 1942. Một người con của ông Quảng là Tôn Thất Thiện (1924-2014), đậu tiến sĩ chánh trị học (tháng 6-1963 tại Geneva, Thụy Sĩ), từng làm Bộ Trưởng Bộ Thông Tin của Việt Nam Cộng Hòa (từ tháng 4-1968, và từ chức cuối năm đó). Tháng 8-1968 ông Thiện được trao giải thưởng Ramón Magsaysay của Phi Luật Tân do các cống hiến về báo chí, văn học, và truyền thông sáng tạo (*journalism, literature, and creative communication*).



Tôn Thất Quảng

⁽⁴¹⁾ *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950*, tr. 18.

Quảng Ngãi), đã thành truyền thống, vào sáng mùng 10 tháng 7 âm lịch, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài làm lễ giỗ tập thể những người con áo trắng đã hy sinh khi *gặp lúc phong ba*. Vào đêm trước (mùng 9 tháng 7 âm lịch), Hội Thánh tổ chức thắp nến tưởng niệm các bậc tiền bối tử đạo (như Huỳnh Ngọc Trác, Trần Nguyên Chất, Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Thị Lan, v.v...).

b. Về phần Hội Thánh Trung Ương Trung Việt (xã Tam Quan, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định), trong đàn cơ Tý thời, ngày 16-3 Canh Tý (Thứ Hai 11-4-1960), Đức Giáo Tông Đại Đạo thừa thánh chỉ Đức Chí Tôn đã giáng lâm phong sắc cho sáu vị tử đạo đứng vào hàng Thánh, gồm có: tiền bối Huỳnh Khâm (quả vị *Tôn Linh Thánh Đức*), tiền bối Trần Châu (quả vị *Huyền Linh Thánh Đức*), tiền bối Huỳnh Đích (quả vị *Oai Linh Thánh Đức*), tiền bối Dương Hữu Nghiêm (quả vị *Diệu Linh Chí Thánh*), tiền bối Trương Nhẫn (quả vị *Hiển Linh Chí Thánh*), tiền bối Phạm Vĩ (quả vị *Hiệp Linh Chí Thánh*).

Đồng thời, cùng với các tiền bối tử đạo được ân ban vào Hạ Đẳng Thần, có mười một vị được Đức Chí Tôn ân ban vào hàng Trung Đẳng Thần. Ngoài ra, mười lăm vị được ân ban vào hàng Thượng Đẳng Thần, gồm có: tiền bối Võ Tứ Xương (quả vị *Cao Minh Tôn Thần*), tiền bối Phạm Trinh (quả vị *Khai Chơn Tôn Thần*), tiền bối Phạm Nghị (quả vị *Oai Linh Tôn Thần*), tiền bối Phan Khánh (quả vị *Khai Phong Tôn Thần*), tiền bối Mai Viết Tạo (quả vị *Chương Liệt Tôn Thần*), tiền bối Phan Phụ (quả vị *Trước Minh Tôn Thần*), tiền bối Vương Huệ Đức (quả vị *Anh Ninh Tôn Thần*), tiền bối Phan Phạn (quả vị *Thanh Khiết Tôn Thần*), tiền bối Huỳnh Phụng

(quả vị *Công Đức Tôn Thần*), tiền bối Lê Khái (quả vị *Dũng Liệt Tôn Thần*), tiền bối Nguyễn Võ (quả vị *Ninh Liệt Tôn Thần*), tiền bối Trần Lê (quả vị *Minh Liệt Tôn Thần*), tiền bối Trần Bích (quả vị *Khương Liệt Tôn Thần*), tiền bối Nguyễn Vọng Đản (quả vị *Phổ Trí Tôn Thần*), tiền bối Lê Phát (quả vị *Ôn Lương Tôn Thần*).⁽⁴²⁾

2.4. Đến cặp kết bài bát cú thứ hai (*Ai nắm lái lèo, ai chống chèo / Lướt trên sóng gió vững con thuyền*), Đức Phan Chơn Thánh nhắc chúng ta nhớ đến hình ảnh con thuyền cứu độ Kỳ Ba (*the boat of the Third Era salvation*).

Tại Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng, quận 3, Sài Gòn), Chủ Nhật 07-11-1965, Đức Chí Tôn dạy: *Thầy đưa thuyền từ ra bể khổ để vớt vạn linh sanh chúng mà mỗi con là mỗi chơn linh trong vạn linh, mỗi chúng sanh trong chúng sanh, chỉ khác một điều là đưa giác ngộ thì lên thuyền, còn đưa chưa giác ngộ thì ở lại.*

Trong pháp môn tu hành Kỳ Ba của đạo Cao Đài, những người nhờ *giác ngộ mà lên thuyền* thì không phải chỉ để tìm ơn cứu độ cho riêng bản thân; trái lại, họ còn là thành viên của thủy thủ đoàn, phân công nhau, hoặc *nắm lái lèo*, hoặc *chống chèo*... để cùng chung sức đưa con thuyền *lướt trên sóng gió, vững vàng* đến bến cập bờ như Đức Chí Tôn đã định.

Cơn sàng sẩy buổi hạ nguơn càng lúc càng ráo riết. Với những ai chưa lên thuyền, hoặc đã lên thuyền mà chưa đủ ý thức để tích cực chia sẻ, gánh vác sứ vụ (*mission*) với thủy thủ đoàn Kỳ Ba, thì hai câu kết bài bát cú của Đức Phan Chơn

Thánh vừa là cảnh tỉnh, vừa là thúc giục, mà cũng hàm ý thở than, cảm cảnh.

2.5. Khi dạy bài này (tháng 7-1945), trong phần cuối tản văn, Đức Thánh Phan giải thích lý do vì sao người đạo Cao Đài luôn luôn gặp gian nguy thử thách. Ngài bảo đó là những *bài thi* để khảo tuyển, thế mà đó mới là *sơ bài* (*preliminary tests*) ở cấp *tiểu học*. Đức Phan Chơn Thánh dạy:

Lão nhắc lại, luật Thiên điều, trường Long Hoa tuyển khảo. Ai có phước có phần, có duyên có quả mới chịu vững cho cuộc khảo thí ma luyện môn đồ. Cơn sóng to gió dữ là lúc đòi khảo thí.

Các hiền cũng như hạt gạo trên sàng. Hạt gạo ấy đã chịu biết bao lần xay chà, giã đập mà không hề hấn, mẻ sút. Được vậy mới cao mới quý. Mà đó là mới bước đầu tiên thi sơ bài tiểu học.

Như vậy, ngài ngụ ý rằng rồi đây mức độ khảo thí sẽ còn tăng dần lên ở mức *trung học*, rồi *dại học*; có nghĩa là những gian nguy thử thách sẽ còn tiếp tục và mỗi lúc càng thêm mãnh liệt hơn, mà dầu muốn hay không muốn, bốn đạo miền Trung vẫn phải đương đầu giáp mặt, vì phải *làm bài thi*.

Gần mười tám năm sau lời dạy dẫn trên, vào đêm 14-3 Quý Mão (Chủ Nhật 07-4-1963), một đàn cơ được lập tại khu Phước Thiện (Cẩm Lệ, Hòa Vang, Đà Nẵng), Đức Thánh Trần Hưng Đạo giảng dạy, nói rõ vì sao các bậc hướng đạo Cao Đài miền Trung luôn luôn gặp nghịch cảnh quá phũ phàng:

Cơ đạo ra đến miền Trung này vì trình độ của chức sắc và nhơn sinh, sự tu hành và đức tin có tiến bộ, nên Thầy ra những

⁽⁴²⁾ Theo bản thảo *Thánh Sắc Chứng Đạo*, quyển 1, của Giáo Sĩ Huệ Ý (1951-2018).

bài thi có phần mắc hơn lên. Bài thi cho đạo hữu, rồi đến bài thi cho chức việc, rồi đến bài thi cho chức sắc Thiên phong. Đây nhằm vào kỳ thi đại học để khảo chọn những người có đại căn đại đức để Thầy giao cho sự nghiệp, hoàn thành nền chánh đạo Kỳ Ba.⁽⁴³⁾

Qua hai trích dẫn trên đây, chúng ta ngộ ra thánh giáo Cao Đài luôn có sẵn những cẩm nang chỉ dẫn (*handbooks, manuals*) cho người hướng đạo, bậc Thiên ân sứ mạng. Nhưng thánh giáo được Ơn Trên tùy duyên giảng dạy, lúc nơi này, khi chỗ khác. Nếu không siêng chăm tìm học thánh giáo và khéo xâu chuỗi (liên kết) các lời dạy ấy lại, chúng ta dễ bỏ sót những lời vàng “mách nước” của Ơn Trên khiến cho trên ván cờ đem đạo vào đời, có khi người đạo chúng ta lỡ một nước cờ, sai một nước đi, thậm chí còn bị chiếu bí!

2.6. Tu học và hành đạo trong Cao Đài vốn theo nguyên lý (*principle*) *Thiên nhân hiệp nhất*, nhưng đâu phải lúc nào chúng ta (*nhân*) cũng dễ dàng hiệp nhất được với Ơn Trên (*Thiên*), kể cả trong việc học hiểu thánh giáo để lấy đó soi dẫn cho từng chương trình, kế hoạch, đạo sự.

Sau nhiều năm trải nghiệm hành đạo cùng tập thể, phần đông chúng ta ắt đã có được nhận xét này: Khi một thánh giáo được đem ra thảo luận, phân tách, tìm tòi thánh ý, thì lại có vài ý kiến trái chiều, thiếu khách quan. Chẳng phải đạo hữu ấy không hiểu đúng, nhưng trót vì vương chút tư tâm, trót bị bản ngã chi phối nên đưa ý kiến chệch đi. Phải chăng bởi có sự ỷ mà ở các thánh thất của Hội Thánh Truyền Giáo

Cao Đài thường nêu cao bốn chữ *Thuần Chơn Vô Ngã* để nhắc nhở lẫn nhau?

Cũng từ nhận xét nói trên, chúng ta lãnh hội vì sao kết thúc bài thánh giáo, Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản khuyên:

Ai mà ôm danh cầu lợi, bản ngã tư tâm, vị thân ích kỷ khó nổi chen vào. Luật ấy vô tư, không hạn Thiên phong, đạo hữu.

Vậy chư hiền nên quên mình đi mà xả thân cầu đạo, mau lo cho kịp ngày Long Hoa đăng bồng, mình thánh ra đời, mới được ngàn năm không uống.

Phú Nhuận, 02-10-2018

⁽⁴³⁾ Phạm Văn Liêm, *Sự Nghiệp Trung Hưng*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức 2018, tr. 362.

Đức hòa ⁽⁷⁾ Thượng Đế bố hồng ân.⁽⁸⁾

Miễn lễ. An tọa.

Tệ Lão ⁽⁹⁾ **PHAN THANH GIẢN** chào chư hiền. Chào chư chức sắc, chức việc, đạo tâm lương phái.

Chư hiền ôi!

*Đạo rộng khai trong hồi mạt kiếp
Pháp thị hiện ⁽¹⁰⁾ giữa lúc đời suy
Cuối hạ nguơn Thượng Phụ mở Tam Kỳ
Đức vô lượng từ bi chứa chan cho sanh chúng.
Lòng Bồ Tát ⁽¹¹⁾ yêu thương của Thầy Trời diệu dụng ⁽¹²⁾*

⁽⁷⁾ **hòa** 和: Không xung đột, không tranh giành.

⁽⁸⁾ **bố**: Ban bố. **hồng ân** 洪恩:Ơn huệ to tát.

⁽⁹⁾ **Tệ Lão** 弊老: (Lời nói khiêm tốn) lão già kém cỏi, còn thiếu sót.

⁽¹⁰⁾ **thị hiện** 示現: Hiện rõ ra cho mọi người thấy (*appearing*).

⁽¹¹⁾ **lòng Bồ Tát** (Bồ Tát chi tâm 菩薩之心 *the Bodhisattva's love*): Bồ Tát là Đấng đại từ đại bi, tuy tu đắc quả Phật nhưng không vào cõi Niết Bàn mà phát đại nguyện ở cận kề, gần gũi chúng sanh đau khổ đang trầm luân trong trần thế, trong địa ngục, để tùy duyên (tùy hoàn cảnh, cơ hội) dìu dắt họ tu hành. **Lòng Bồ Tát** ở đây là lòng Thầy (Cao Đài Tiên Ông). Đức Thượng Đế là Thầy Trời, trong Kỳ Ba Phổ Độ xuống thế gian xưng là *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*. Mỗi khi niệm hồng danh này, sáu chữ *Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (Mahabodhisattva Mahasattva)* nhắc chúng ta nhớ đến đại nguyện của Thầy khi xuống trần mở đạo:

“Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thế, đem Đạo màu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.” (Đại Thừa Chơn Giáo)

3. PHẢI HOÀN TOÀN CÁI DANH TU NIỆM

Thánh thất Minh Đức (Phú Yên)
ngày 03-3 Bính Thân (Thứ Sáu 13-4-1956)

THI

*Đạo lành hóa độ ⁽¹⁾ khách ⁽²⁾ nguyên nhân ⁽³⁾
Lễ, trí, thanh liêm ⁽⁴⁾ ráng ráng mần ⁽⁵⁾
Nhơn, nghĩa, ôn, lương, cung, kiệm ⁽⁶⁾ đủ*

⁽¹⁾ **hóa độ** 化度: Đưa người vào đường tu hành.

⁽²⁾ **khách** 客: Thể gian là quán trọ. Mỗi người sống ở thế gian chỉ là khách trọ ghé qua trong một thời gian. Quê nhà mỗi người là cõi trời, và phải biết tu để trở về quê cũ.

⁽³⁾ **nguyên nhân** 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

⁽⁴⁾ **lễ** 禮: Những quy ước đạo đức đã thành chuẩn mực trong xã hội (*propriety*). **trí** 智: Sáng suốt, hiểu biết (*wisdom*). **thanh liêm** 清廉: Trong sạch, không tham ô (*uncorruption*).

⁽⁵⁾ **ráng ráng mần**: Cố gắng làm.

⁽⁶⁾ **nhơn** (nhân) 仁: Có lòng thương người thương vật (*benevolent*). **nghĩa** 義: Đúng theo lẽ phải, quy ước đạo đức của xã hội (*righteous*). **ôn** 溫: Dịu dàng (*tender*). **lương** 良: Tốt lành (*good*). **cung** 恭: Kính trọng người khác (*respecting*). **kiệm** 儉: Không phung phí (*thrifty*).

Độ sanh linh khắp chủng loại tại quê nhà ⁽¹³⁾
Đạo Tam Kỳ là đại ân xá lần ba
Truyền khắp cõi ta bà ⁽¹⁴⁾ *mà nước ta hưởng trước.*
Chư đệ ôi! Để gì ta gặp được
Được gặp rồi, tiến bước, giữ gìn tu.

Giờ này Lão đến đây để thăm và nói qua đôi chuyện. Hiện giờ người tu hành cần trước phải tu tâm kiến tánh, trau dồi đức hạnh thuần lương, giữ được tâm lành ý thiện.

Các hiền nơi đây kể cũng khá đông, mà chỉ tưởng tu là lập công cho nhiều, nói đạo cho giỏi, xiển luận ⁽¹⁵⁾ cho hay, độ người ⁽¹⁶⁾ cho khá mà thôi, chớ chưa chú trọng tới điểm tu là sửa.⁽¹⁷⁾

Đạo hữu từ nay phải chuyên lo học tập, lập đức từ bi, lòng bác ái, chuyên luyện công phu để mà hoàn toàn ⁽¹⁸⁾ cái danh tu niệm.

⁽¹²⁾ **diệu dụng** 妙用: Công dụng rất kỳ diệu (*wonderful usefulness*).
Chỗ diệu dụng của lòng Thầy từ bi là có đủ mọi cách nhiệm mầu để cảm hóa con cái chịu bước vào đường tu, như hai câu thánh thi thuở khai đạo: *Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh / Đố ai biết được cái danh Cao Đài*.

⁽¹³⁾ **quê nhà**: Nước Việt Nam.

⁽¹⁴⁾ **cõi ta bà**: Thế gian, thế giới.

⁽¹⁵⁾ **xiển luận** 闡論: Khai triển (mở rộng) và bàn bạc.

⁽¹⁶⁾ **độ người**: Tiến dẫn người vào đạo, theo lời dạy của Thầy ngày 20-7 Bính Dần (Thứ Sáu 27-8-1926): “(...) *bước mỗi đứa phải độ ít nữa là mười hai người.*” (*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*)

⁽¹⁷⁾ **tu** 修: Sửa chữa (*fixing, mending, rectifying, repairing*), đồng nghĩa với **tu bổ** 修補, **tu lý** 修理.

⁽¹⁸⁾ **hoàn toàn**: Trọn vẹn.

Ban Cai Quản hãy cố gắng xây đắp một thánh thể yêu thương, một tâm hồn Thượng Đế, giúp tín đồ giới giữ quy gìn,⁽¹⁹⁾ và phải xây dựng cho mọi người được một đức tin rắn rỏi, một đạo hạnh hoàn toàn để kịp thời mà đạt phẩm Thần Tiên.

Các hiền có hiểu chữ thánh thất nghĩa là chi không? Thánh thất là một chỗ ngự trụ to lớn của các bậc thiêng liêng và cũng là một nơi học hỏi của tín đồ tất cả. Nó là một nơi của tín đồ giao cảm ⁽²⁰⁾ cùng Thần Tiên mà cũng là nơi Thần Tiên dạy đạo cho tín đồ.

(...)

Thôi, Tệ Lão chào chư hiền. Lão lui.

SUY NIỆM 3

3.1. Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ dạy bài này tại thánh thất Minh Đức ngày 03-3 Bính Thân (Thứ Sáu 13-4-1956), lúc ấy nhà thánh còn rất đơn sơ, chưa đủ ba đài (xem ảnh, tr. 79).

Ban sơ, thánh thất tên là Phước Lâm, hình thành trong

⁽¹⁹⁾ **giới giữ quy gìn**: Gìn giữ Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Quy (trong *Tân Luật*, phần *Đạo Pháp*, Chương IV, Chương V).

⁽²⁰⁾ **giao cảm** 交感: Lòng thành của người thấu đến Ơn Trên (*cảm*) và Ơn Trên thể theo đó đáp lại (*ứng*); bởi vậy, giữa cõi người và cõi trời có tiếp xúc (*giao*) với nhau.

khoảng nửa sau thập niên 1930, từ tâm huyết của một vài người dân Phú Yên đi vào Tây Ninh xin nhập môn (trong đó có tiền bối Võ Hóa, sau được Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh phong làm Chánh Trị Sự rồi về quê gây dựng họ đạo, lập thánh thất).



Thánh thất Minh Đức (trước năm 2013). Ảnh tài liệu.

Hiện nay thánh thất Minh Đức (có đủ ba đài, khánh thành năm 2013) tọa lạc tại thôn Phước Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa,⁽²¹⁾ tỉnh Phú Yên. Mặc dù thánh thất Minh Đức thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, nhưng có lẽ do cái “duyên” với Tây Ninh trong buổi sơ khai, nên khi thánh thất được cất mới, họ đạo Minh Đức đã lấy mẫu của Hội

⁽²¹⁾ Huyện Đông Hòa được thành lập ngày 15-6-2005.



Thánh thất Minh Đức (2013)
Ảnh: Mượn của Sống Đạo (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

Thánh Cao Đài Tây Ninh, thay vì theo mẫu của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (xem ảnh, tr. 80).

3.2. Trong bài tứ tuyệt mở đầu, Đức Phan Chơn Thánh nêu ra điều kiện để người môn đệ Cao Đài được thọ nhận hồng ân của Đức Chí Tôn ban bố. Điều kiện đó là những đức tánh mà người tu phải chú ý trau dồi, gồm có: *lễ, trí, thanh liêm, nhơn, nghĩa, ôn, lương, cung, kiệm, hòa*. Những đức tánh này, bình sinh ngài Phan Thanh Giản đã có đủ (xem lại *Đức độ ngài Phan Thanh Giản*, tr. 21-38).

Vừa mở đầu bài thánh giáo, tại sao Đức Thánh Phan lại sớm nêu ra mười đức tánh như thế? Tại sao là *mười* mà không là con số khác?

Mười (*thập* 十) có nghĩa là hoàn toàn, trọn vẹn (*perfect*). Do ý nghĩa này, người ta nói *thập toàn* 十全 (hoàn hảo, trọn vẹn; *perfect, complete*), *thập thành* 十成 (đủ đầy; *complete*). Người Việt nói *mười phân vẹn mười* cũng theo nghĩa ấy. Khi tả chị em Thúy Kiều, Thúy Vân, Nguyễn Du hạ bút viết: *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*.

Bởi *mười* (*thập*) có ý nghĩa hay như vậy, cho nên Ông Trên thường đặt để mười đề mục cho người tu noi theo đó mà rèn luyện. Tạm kể ba ví dụ:

- Đức Ngô Minh Chiêu dạy môn sanh Chiếu Minh *Thập Thanh Điều* (trích): *MỘT* khuyên giảm khẩu bớ con / *HAI* khuyên chánh kỷ cho tròn hóa nhơn / (...) *MƯỜI* khuyên lập nết ôn hòa độ dân.

- Tại thánh thất Minh Trung (Phú Yên), ngày 02-12 Mậu Tuất (Thứ Bảy 10-01-1959), Đức Ngô Đại Tiên dạy *Mười*

Khuyên (trích): *MỘT* là tu cho người trông cậy / *HAI* là làm đời thấy kính tin / (...) *CHÍNH* phải lo tu thành tâm pháp / *MƯỜI* khuyên nhau đóng góp tình thương (...).

- Tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng), ngày 15-7 Canh Tý (Thứ Hai 05-9-1960), Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy *Mười Điều Ghi Nhớ* (trích): *MỘT* nghe ta thanh thanh tịnh tịnh (...) / *HAI* nghe ta hết lòng hoài bão (...) / *BA* nghe ta Đông Tây lập chí (...).

Trở lại với lời Đức Phan Thanh Giản dạy, mười đức tánh ngài nêu ra trong bài tứ tuyệt là đề mục để người môn đệ Cao Đài dụng công trau dồi, sửa chữa bản thân cho trở nên hoàn toàn, hoàn hảo. Điều này được ngài nhắc lại rõ ràng trong phần tản văn:

Các hiền nơi đây kể cũng khá đông, mà chỉ tưởng tu là lập công cho nhiều, nói đạo cho giỏi, xiển luận cho hay, độ người cho khá mà thôi, chớ chưa chú trọng tới điểm tu là sửa.

Đạo hữu từ nay phải chuyên lo học tập, lập đức từ bi, lòng bác ái, chuyên luyện công phu để mà hoàn toàn cái danh tu niệm.

3.3. Đức Phan Chơn Thánh dạy: “*Đạo hữu từ nay phải chuyên lo học tập, lập đức từ bi, lòng bác ái (...).*” Lời dạy này nhắc chúng ta nhớ tới lời Đức Quan Âm Bồ Tát dạy tại thánh thất Nam Thành (quận 1, Sài Gòn), ngày 14-10 Canh Tuất (Thứ Năm 12-11-1970):

Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiêng Liêng Trời Phật phù hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi

để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không?

3.4. Đức Phan Chơn Thánh dạy môn đệ Cao Đài phải tu tập sao cho hoàn toàn cái danh tu niệm. Tức là cái danh (tên gọi) người tu phải đúng với phẩm chất (đạo hạnh) người tu.

Chúng ta đều hiểu rằng một người bước chân vào cửa đạo đầu lâu năm chẳng nữa vẫn chưa dễ dàng gột bỏ được hết tánh phàm tục của mình; thậm chí, có người đã thâm niên khoác áo đạo, mang danh người tu, thế mà tánh hạnh lắm khi còn kém cỏi hơn cả những người đời chưa tu.

Bởi vậy, khi “độ” được một người mới bước vào cửa thánh thất, những đạo hữu tinh tế, nhiều kinh nghiệm thường phải dặn dò bạn mình: Đạo huynh (đạo tỷ) nhớ là vô đây mình tu với Ông Trên chứ không phải tu với mấy đạo hữu trong này; nếu họ có đối xử “kỳ cục” với mình thì đừng chấp mà bỏ thánh thất rồi ở nhà luôn nhé.

3.5. Đang dạy tín hữu phải siêng chăm tu học, rèn luyện sao cho hoàn toàn cái danh tu niệm, thì qua hai đoạn ở phần cuối tản văn, Đức Phan Chơn Thánh chuyển ý, dạy về thánh thể, thánh thất:

- Ban Cai Quản hãy cố gắng xây đắp một thánh thể yêu thương (...).

- Các hiền có hiểu chữ thánh thất nghĩa là chi không? Thánh thất là một chỗ ngụ trụ to lớn của các bậc thiêng liêng và cũng là một nơi học hỏi của tín đồ tất cả. Nó là một nơi của tín đồ giao cảm cùng Thần Tiên mà cũng là nơi Thần Tiên dạy đạo cho tín đồ.

Thật ra, phẩm chất (đạo hạnh) người tu (gồm cả bậc hướng đạo và các tín hữu) có liên quan mật thiết tới thánh thất (cũng là thánh thể của Đức Chí Tôn). Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch dạy rằng thánh thất là hình thể Đạo và là thánh thể của Đức Chí Tôn; và ngài khuyên: Đừng để cho một tâm hồn nào phải thương xót trước một thánh thể của Chí Tôn.⁽²²⁾

Nghĩa lý sâu xa của lời Đức Giáo Tông như dẫn trên đã được trình bày trong quyển Ý Thức Hệ Cao Đài nên nơi đây không nhắc lại nữa, mà chỉ gợi ý tham khảo thêm, để từ đó chúng ta lãnh hội vì sao Đức Phan Chơn Thánh đang dạy môn đệ Cao Đài phải hoàn toàn cái danh tu niệm thì lại chuyển sang ý nghĩa chơn chánh của thánh thất, khi ngài nói tới nỗ lực xây đắp một thánh thể yêu thương.

Phú Nhuận, 06-10-2018

⁽²²⁾ Huệ Khải, Ý Thức Hệ Cao Đài / The Caodai Ideology (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 25, 42.

4. HÃY TÌM ĐẠO LÝ Ở TÌNH THƯƠNG

Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long)

Ngọ thời, ngày 02-01 Bính Ngọ (Thứ Bảy 22-01-1966)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông

Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Pháp Đàn:* Huỳnh Chơn.

Đồng Tử: Hoàng Mai. *Độc Giá:* Huệ Chơn, Bạch Tuyết.

Điển Ký: Ngọc Kiều, Diêu Long. *Chưởng Nghiêm Pháp Quân:*

Thiện Bảo. *Chứng đàn:* Huệ Lương, Thiện Chơn. *Hầu đàn:*

Ban Hành Sự và thiện tín Trúc Lâm Thiền Điện.

TIẾP ĐIỂN

THI

Tang thương ⁽¹⁾ *biến đổi mấy sông non*

Tuế nguyệt trường lưu ⁽²⁾ *chí chẳng mòn*

Xuân sắc đượm nhuần trời đất đẹp

Trở về trần tục gọi lòng son. ⁽³⁾

⁽¹⁾ **tang thương** 桑滄: Nói tắt thành ngữ *thương hải [biến vi] tang điền* 滄海[變為]桑田: Biển xanh biến thành ruộng dâu, ám chỉ biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời (*life's vicissitude*).

⁽²⁾ **tuế nguyệt**: 歲月: Năm tháng (*years*); thời gian (*time*). **trường lưu** 長流: Chảy hoài không dứt (*flowing constantly*). **Tuế nguyệt trường lưu chí chẳng mòn**: Thời gian trôi hoài không ngừng, (khiến thân xác càng già yếu nhưng) tâm chí vẫn không nhụt đi.

⁽³⁾ **lòng son** (đan tâm 丹心): Lòng trung (*loyal heart, loyalty*). **gọi**

Tiền trào ⁽⁴⁾ **PHAN THANH GIẢN**

Bổn Thánh chào chư hiền đệ, hiền muội. Bổn Thánh vâng chỉ Tam Giáo Tòa đến viếng Thiền Điện Trúc Lâm để cùng chư hiền đệ, hiền muội đôi lời tâm huyết. Miễn lễ. Đồng an tọa.

Bổn Thánh xin tựa vào đề tài của Đức Thiên Tôn ⁽⁵⁾ để minh định ⁽⁶⁾ thêm ý nghĩa giữa tình chủng tộc nước non.

Chư hiền đệ, hiền muội thân mến! Dân là hồn của nước, ví như Đạo là hồn của đời. Nếu dân không đồng tâm nhứt trí, dân sanh bất lực, dân trí suy đồi, dân tâm loạn lạc, thì nước phải nguy vong. Đạo chẳng xương minh chánh pháp, ⁽⁷⁾ sáng tỏ lý chơn, thì đời phải lạc lầm, mê tín. Nên chi ⁽⁸⁾ trải bốn ngàn năm có lẽ, ⁽⁹⁾ dân tộc chúng ta đã hấp thụ từ bi Phật Giáo, Nhơn luân Thánh Giáo, ⁽¹⁰⁾ bác ái Tiên Giáo, lẽ thì ⁽¹¹⁾

lòng son: Kêu gọi những người trung thành với đất nước.

⁽⁴⁾ **tiền trào** (triều) 前朝: Thuộc trào vua trước (*of the previous dynasty*). Lúc Đức Thánh Phan giáng cơ (năm 1966) thì ba vị vua nhà Nguyễn (Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức) mà sanh tiền quan Phan liên tiếp phụng sự đã qua đời từ rất lâu rồi.

⁽⁵⁾ **tựa vào đề tài của Đức Thiên Tôn**: Nương theo (dựa theo) đề tài dạy đạo của Đức Di Lạc Thiên Tôn. Đức Di Lạc lâm đàn vào giờ Ngọ, sau đó Đức Phan Thanh Giản giáng cơ dạy bài này.

⁽⁶⁾ **minh định** 明定: Xác định rõ ràng.

⁽⁷⁾ **xương minh chánh pháp** 昌明正法: Làm cho chánh pháp sáng tỏ rực rỡ.

⁽⁸⁾ **nên chi**: Vì vậy, bởi thế (*therefore, thus*).

⁽⁹⁾ **bốn ngàn năm có lẽ**: Hơn bốn ngàn năm văn hiến.

⁽¹⁰⁾ **Thánh Giáo** 聖教: Khổng Giáo (tức Nho Giáo).

⁽¹¹⁾ **lẽ thì**: Lẽ ra, đáng lẽ thì.

nước Việt Nam nhỏ nhen,⁽¹²⁾ dân tộc thiểu số này phải được thanh cường an định. Nhưng hiện tình xứ sở ta đã bị tang thương cốt nhục, cắt đất phân ranh, cũng do chánh đạo chẳng thực hành, mà tinh thần dân chúng bị sụp đổ, nên chi chịu những trạng huống ⁽¹³⁾ ngày nay, Bốn Thánh thực đau lòng.

Nhân dịp xuân sang, cơ Trời biểu lộ,⁽¹⁴⁾ Bốn Thánh cũng muốn cho Đại Đạo sớm trung hưng ⁽¹⁵⁾ để cứu đời trong nguy ngập, nên khuyên tất cả chư hiền đệ, hiền muội cũng như toàn dân, cố gắng kiểm điểm lại từng hành vi trong thường nhật, tìm đạo lý ở tình thương, để tránh khỏi những điều tàn khốc xảy ra trong nền đạo giáo.⁽¹⁶⁾

Bốn Thánh rất vui nhận thấy những sự hy sinh của chư hiền đệ, hiền muội sở tại,⁽¹⁷⁾ đã không vì công lực,⁽¹⁸⁾ chẳng ham vật chất của tiền, biết sử dụng vật chất để đưa lòng người vào nẻo đạo. Chỉ còn một điều rất đáng quan tâm là hướng đạo ⁽¹⁹⁾ phải nên trang hướng đạo, tìm chánh nghĩa định chánh tâm, để chánh giáo được trung hưng, mới có thể

vẫn cứu lại tình thương của gia đình, xã hội. Trong khi ấy, từ ảnh hưởng của cá nhân đến quần chúng sẽ lan tràn khắp cả năm châu bốn biển, mới mong mưu cuộc thanh bình cực lạc cõi thế gian.

Bốn Thánh nhớ lại:

THI

*Đổi dời lắm lúc mấy sơn hà
Xuân vẫn riêng tình với cỏ hoa
Sắc lẫn hương xuân phơi rở rở
Mây lồng ánh nguyệt chiếu lò lò
Rau vi thà trọn ơn Thương Quốc
Độc được cho nên nghĩa Kiến Hòa ⁽²⁰⁾
Hết hạ thu đông, xuân cũng đến
Trời xuân xuân khắp cả bao la.*

Bốn Thánh rất mừng, trong buổi loạn ly của đời, rẽ chia của đạo,⁽²¹⁾ Đấng Thượng Đế lại ban rải hồng ân (...) thì cơ hội này là cơ hội hổ thoát lưới rập,⁽²²⁾ chim được sổ lồng. Nếu chẳng biết rằng trời dài đất rộng thì điều tận diệt ắt phải cam.

Hỡi chư hiền đệ, hiền muội! Hỡi toàn dân! Hỡi nhân loại! Bốn Thánh cùng tất cả đều là chơn linh của Thượng Đế,⁽²³⁾

⁽¹²⁾ **nhỏ nhen**: Nhỏ bé.

⁽¹³⁾ **trạng huống** 狀況: Cái tình cảnh bày ra trước mắt (*situation*).

⁽¹⁴⁾ **biểu lộ** 表露: Bày ra cho thấy (*showing, revealing*).

⁽¹⁵⁾ **trung hưng** 中興: Hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu (*recovering after a temporary decline*).

⁽¹⁶⁾ **đạo giáo**: Tôn giáo (*religions*).

⁽¹⁷⁾ **sở tại** 所在: Tại chỗ (*local*).

⁽¹⁸⁾ **công lực** 功力: Thời gian và sức lực bỏ ra để làm một việc.

⁽¹⁹⁾ **hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their coreligionists*).

⁽²⁰⁾ Xem *Suy Niệm* 4.2. và 4.3. cuối bài thánh giáo này (tr. 91, 94).

⁽²¹⁾ **đạo**: Các tôn giáo nói chung (*religions in general*).

⁽²²⁾ **lưới rập**: Lưới giăng và bẫy gài để bắt thú (*nets and traps*).

⁽²³⁾ **tất cả đều là chơn linh của Thượng Đế**: Thượng Đế là Đại Linh Quang 大靈光 (*Macro Sacred Light*), vạn vật và chúng sanh là tiểu linh quang 小靈光 (*micro sacred light*); do đó, tất cả cùng

thì nào có khác chi. Cứ vững một niềm tin tu thân hành đạo, rồi sẽ còn nhiều cơ hội gặp gỡ và sẽ kết quả cùng nhau ở cảnh Thiên Đàng Cực Lạc chẳng sai đâu.

(...)

Chư hiền đệ, hiền muội và toàn đạo thân mến! Bốn Thánh đến với ngày xuân, có một lời chúc xuân không gì hơn là tình thương của dân tộc sẽ được lan rộng để thực hành đúng lẽ Trời là tình thương Thượng Đế, và tu thân hành đạo đúng theo chơn lý ngàn xưa, để hoằng dương ⁽²⁴⁾ khắp hết năm châu bốn biển, cho thế giới an bình, nhân loại hưởng ngày Nghiêu thánh Thuấn.⁽²⁵⁾ Những điều ấy là do từ cá nhân cho đến quần chúng trong đạo hay ngoài đời, sẽ đạt đến kết quả. Bốn Thánh sẽ chứng minh ⁽²⁶⁾ và luôn luôn tá trợ ⁽²⁷⁾ tâm thành của đạo tâm nam nữ, hãy vững vàng tiến bước.

Bốn Thánh ban ơn lành toàn tất ⁽²⁸⁾ và ban phước huệ bộ phận Hiệp Thiên Đài được vui vẻ lo tròn sứ mạng. Thăng.

chung bản thể là linh quang (ánh sáng thiêng liêng). Nguyên lý này được diễn tả là *thiên địa vạn vật đồng nhất thể* 天地萬物同一體 (muôn vật trong trời đất cùng chung một bản thể: *myriads of things in the universe sharing the same substance*).

⁽²⁴⁾ **hoằng dương** 弘揚: Mở mang cho rộng lớn (*developing and expanding*).

⁽²⁵⁾ **ngày Nghiêu thánh Thuấn** (Nghiêu thiên Thuấn nhật 堯天舜日): Thuở thanh bình như đời vua Nghiêu, vua Thuấn thời xa xưa (*piping days of peace*).

⁽²⁶⁾ **chứng minh** 證明: Cũng như *chứng giám* (nhìn thấy và chấp nhận: *witnessing and accepting*).

⁽²⁷⁾ **tá trợ** 借助: Giúp đỡ (*helping, assisting*).

⁽²⁸⁾ **toàn tất**: Toàn thể, tất cả mọi người (*the whole of you*).



Trước Lâm Thánh Đức Thiền Điện (chùa Di Lạc): 61/10 Mậu Thân, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ảnh dưới:
Đạt Linh,
Đạt Truyền

SUY NIỆM 4

4.1. Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ dạy bài này tại Trúc Lâm Thiền Điện. Tên gọi đầy đủ của thánh sở này là Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện (thuộc Hội Thánh Di Lạc), nay ở số 61/10 đường Mậu Thân, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

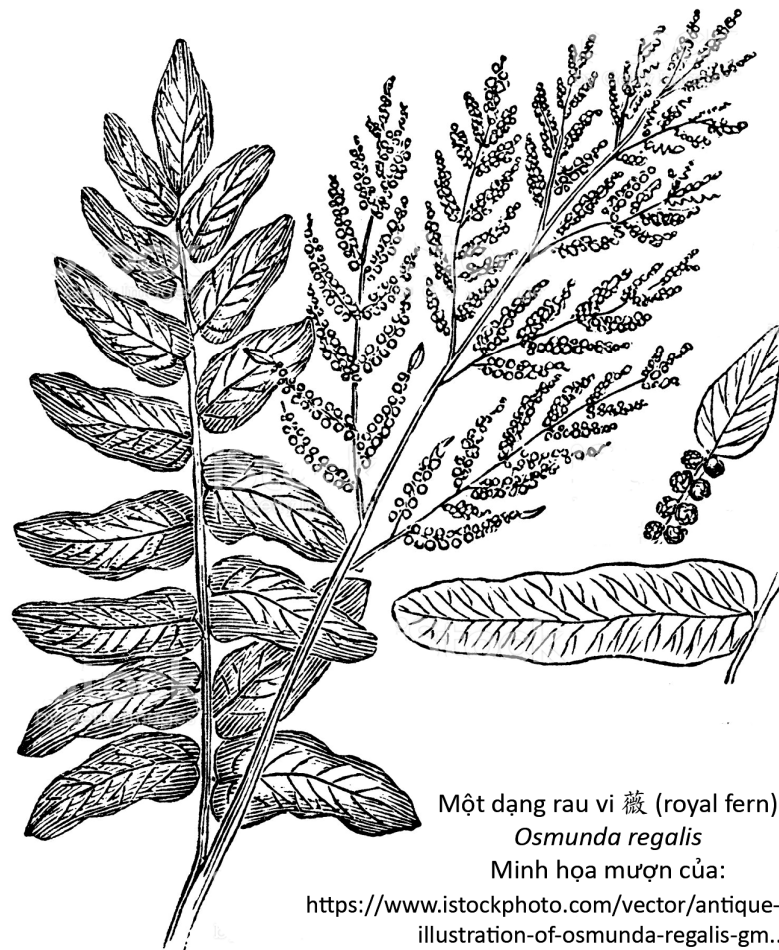
Chữ *trúc* người miền Nam còn nói là *trước*; do đó, cũng gọi nước Ấn Độ là *Thiên Trúc*, *Thiên Trước* 天竺. Tên gọi Trúc Lâm 竹林 hay Trước Lâm có nghĩa là rừng trúc (*bamboo forest*), ngụ ý là nơi ẩn tu của người tâm chí thanh cao.

Trước Lâm Thánh Đức Thiền Điện còn gọi là chùa Di Lạc vì trong chánh điện có đại tượng Đức Di Lạc. Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, các cao tăng Trung Quốc chuyển âm (*transliterating*) hồng danh *Maitreya* (tiếng Sanskrit) sang chữ Hán là 彌勒, đọc *mí lè*, tức Di Lạc. (*Lạc* nguyên nghĩa là cái dầm chằng đầu và mõm ngựa; còn có nghĩa là kèm chế, cưỡng bách, chạm khắc...)

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, đạo Cao Đài không dùng lại tên gọi *Di Lạc* mà gọi là *Di Lạc* 彌樂, với ý nghĩa vui vẻ tròn đầy và dài lâu (*complete and lasting happiness*).

4.2. Trong cặp luận bài thơ bát cú, câu 5 nói: *Rau vi thà trợn ơn Thương Quốc*.

Rau vi 薇 là một loại dương xỉ (*royal fern*), danh pháp



khoa học là *Osmunda regalis*. **Thương Quốc** 商國 là nước Thương, tức nhà Thương. Triều đại này kế tiếp nhà Hạ 夏 và sau cùng bị nhà Chu 周 thay thế. Nhà Thương bắt đầu với vua

Thành Thang 成湯 (minh quân) và kết thúc vào đời vua Đế Tân 帝辛 (hôn quân). Đế Tân quá tàn ác, bất nghĩa nên bị gọi là vua Trụ 紂. (Trụ là người tàn ác, bất nghĩa.)

Bá Di 伯夷 và Thúc Tề 叔齊 là con vua Á Vi 亞微 nước Cô Trúc (chư hầu nhà Thương). Khi Cơ Phát 姬發 (cũng là chư hầu nhà Thương) mang quân đánh vua Trụ, hai anh em Bá Di và Thúc Tề cùng can gián vì cho rằng Cơ Phát bất trung với nhà Thương. Cơ Phát diệt Trụ, lên ngôi thiên tử, lập ra nhà Chu, tức là Chu Vũ Vương. Vì trước kia đã trót can Cơ Phát đừng đánh Trụ, nên Bá Di và Thúc Tề thề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi Thủ Dương 首陽 ở ẩn, hái rau vi ăn qua bữa. Có người bắt gắp, bảo rau vi ấy cũng mọc trên đất nhà Chu, hai anh em bèn nhịn ăn, chịu chết đói trên núi Thủ Dương.

Có thể nói Bá Di, Thúc Tề là hai người tiêu biểu cho lòng ngu trung (*blind loyalty*: trung thành mù quáng). Tuy nhiên, cổ văn dùng hình tượng Bá Di, Thúc Tề (hay rau vi) không phải để đề cao ngu trung mà cốt mượn tích xưa như kiểu ẩn dụ (*metaphor*) ngõ hầu nói bóng gió tới tiết tháo kẻ sĩ. Chẳng hạn, Nguyễn Trãi (1380-1442) trong bài *Côn Sơn Ca* 崑山歌 có hai câu này: *Hựu bất kiến: Bá Di dữ Thúc Tề / Thủ Dương ngạ tử bất thực túc? 又不見: 伯夷與叔齊 / 首陽餓死不食粟?* (Lại chẳng thấy ư: Bá Di cùng Thúc Tề không ăn thóc, chết đói trên núi Thủ Dương?)

Câu thơ *Rau vi thà trọn ơn Thương Quốc* của Đức Chơn Thánh nên hiểu theo nghĩa ẩn dụ ấy: *Thương Quốc* ở đây hàm nghĩa nước Việt nhà Nam; *rau vi* ở đây ám chỉ việc nhịn đói chờ chết. Câu thơ nhắc lại sự kiện ngài Phan Thanh Giản tuyệt thực liên tục từ Thứ Sáu 19-7 tới Chủ Nhật 04-8-1867,

quyết lấy cái chết tự xử trọng tội mình đã để ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên) rơi vào tay giặc. *Rau vi thà trọn ơn Thương Quốc* có ẩn ý là quyết lấy cái chết để báo ơn nước Việt, tỏ rõ một lòng trung thành với sông núi nhà Nam chứ không phải phờng buồn dân bán nước, tham sống sợ chết.

4.3. Trong cặp luận bài thơ bát cú, câu 6 nói: *Độc được cho nên nghĩa Kiến Hòa*.

Nhịn đói hơn nửa tháng vẫn chưa chết, ngài Phan Thanh Giản pha cho mình chén **độc được**. Theo nhiều trang sử cũ, thuốc độc ấy là á phiện hòa với giấm thanh. Huỳnh Tịnh Paulus Của (*Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*) giải thích giấm thanh là *giấm thiệt chua mà dịu*.

Trong phép đối của cặp luận, câu 5 nói *Thương Quốc* thì qua câu 6 chúng ta phải hiểu *Kiến Hòa* cũng là một địa danh. Vậy, *cho nên nghĩa Kiến Hòa* tức là cho thành nghĩa khí, cho trọn đạo nghĩa của người con đất Kiến Hòa. Nhưng Kiến Hòa là đất nơi đâu?

Ngài Phan Thanh Giản sinh ra tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (sau đổi là làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị, huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị, tỉnh Vĩnh Long; nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Mộ của ngài hiện tại vẫn nằm ở xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Khi Đức Phan Thanh Giản giảng cơ dạy bài thánh giáo này thì Bến Tre đang là tỉnh Kiến Hòa.

Vào năm 1895, Nam Kỳ Lục Tỉnh (sáu tỉnh cũ của nhà Nguyễn: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An

Giang, và Hà Tiên) bị Pháp chia nhỏ thành hai mươi mốt hạt (*arrondissements*). Do một Nghị Định ngày Thứ Hai 16-01-1899, hạt thay bằng tỉnh (*provinces*); đứng đầu mỗi tỉnh là chủ tỉnh (*chef de province*). Bấy giờ, riêng tỉnh Vĩnh Long cũ gồm ba tỉnh là Bến Tre, Trà Vinh, và Vĩnh Long.⁽²⁹⁾

Tỉnh Bến Tre được đổi tên thành Kiến Hòa vào ngày Thứ Hai 22-10-1956, theo Sắc Lệnh số 143-NV của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm. Sau tháng 4-1975, tên tỉnh trở lại là Bến Tre như trước.

Độc được cho nên nghĩa Kiến Hòa. Tuân tiết bằng thuốc độc để giữ trọn cái nghĩa của bậc sĩ phu. Tiết tháo này phải chăng là do nhà Nho Phan Thanh Giản đã thấm nhuần câu nói trong sách *Mạnh Tử (Cáo Tử, Thượng)*? Câu đó như sau: *Sống, cũng là thứ ta muốn; nghĩa, cũng là thứ ta muốn. Không thể được trọn cả hai, thì bỏ sống mà giữ lấy nghĩa vậy.*⁽³⁰⁾

4.4. Năm 1865, khi cử ông quan văn sinh năm 1796 (bảy mươi tuổi ta) về miền Tây làm Kinh Lược Sứ ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, phải chăng vua Tự Đức đã đẩy vị lão thần ấy vào một bi kịch cuối đời?

Theo nhiều trang sử cũ, lý do quan Phan quyết định giao ba thành Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên cho quân Pháp là muốn cho dân chúng và quân binh trong thành khỏi phải

chịu hy sinh thân mạng, thương vong thảm khốc nếu lâm vào cảnh giao tranh không cân sức mà thế yếu thì nghiêng về bên quân Nam.

Mất thành, mất đất, mất một phần xã tắc, làm trái lệnh vua sai đi giữ gìn ba tỉnh chỉ vì muốn ưu tiên giữ lấy người dân. Quyết định ấy của ngài Phan Thanh Giản nhắc chúng ta nghĩ tới câu nói trong sách *Mạnh Tử (Tận Tâm, Hạ)* mà chắc chắn nhà Nho Phan Thanh Giản đã thuộc lòng từ thuở: *Dân là quý, xã tắc đứng sau, vua nhẹ hơn.*⁽³¹⁾

Giữ lấy dân, đó giá trị nhân bản (*humanistic value*) của đạo Nho, cái Đạo ngài Phan suốt đời tu dưỡng. Giữ lấy sự sống cho dân và quân dưới quyền mình, đó đức nhân (thương người) của bậc đại quan. Và đức nhân đó được làm chứng bằng sự kiện ngài Phan tuân tiết. Cái chết tự chọn của ngài Phan nhắc chúng ta nhớ đến lời Đức Khổng Tử chép trong *Luận Ngữ (15:9)*: *Bậc chí sĩ và người có lòng nhân không thể ham sống mà làm hại đức nhân, chỉ có hy sinh tính mạng để hoàn thành đức nhân thôi.*⁽³²⁾

Phú Nhuận, 08-10-2018

⁽²⁹⁾ Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài / Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 8-9.

⁽³⁰⁾ *Sinh, diệc ngã sở dục dã; nghĩa, diệc ngã sở dục dã. Nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa giả dã. 生, 亦我所欲也; 義, 亦我所欲也. 二者不可得兼, 捨生而取義者也.*

⁽³¹⁾ *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. 民爲貴, 社稷次之, 君爲輕.*

⁽³²⁾ *Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân. 志士仁人, 無求生以害仁, 有殺身以成仁.*

6. HÃY TRỞ VỀ TRUYỀN THỐNG CHA ÔNG

Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo, Vĩnh Bình)

Tuất thời, ngày 26-8 Nhâm Tý (Thứ Ba 03-10-1972)

Thông công: Hiệp Thiên Đài Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức
(Mỹ Tho)

THI

THẦN thị vô phương nãi diệu huyền

HOÀNG Hà cổ đại, Đạo thư truyền

BỔN căn do tại minh minh đức

CẢNH đối ư tâm lý nhứt nguyên.⁽¹⁾

THẦN HOÀNG BỔN CẢNH

Chào liệt vị Thiên ân hướng đạo. Chào toàn thể đàn trung.
Bổn Thần vâng lệnh báo tin có Đức Đại Công Thần ⁽²⁾ Phan
Thanh Giản lai cơ.⁽³⁾ Vây đàn trung ⁽⁴⁾ thành tâm tiếp điển.
Bổn Thần xin xuất ngoại hộ đàn.

⁽¹⁾ Xem *Suy Niệm 6.2*. cuối bài thánh giáo này (tr. 124).

⁽²⁾ **đại công thần** 大功臣: Bề tôi rất có công.

⁽³⁾ **lai cơ** 來乩: Đến đàn cơ, cũng như *lai đàn* 來壇, *giáng đàn* 降壇, *lâm cơ* 臨乩, *lâm đàn* 臨壇.

⁽⁴⁾ **đàn trung** 壇中: Những người có mặt trong đàn cầu cơ.

TIẾP ĐIỂN

THI

Một dải giang sơn dệt gấm hoa

Ngàn năm văn hiến tổ tiên ta

Nền xưa vun đắp nhờ con cháu

Cho rạng năm châu, rạng Đạo nhà.⁽⁵⁾

PHAN THANH GIẢN

Lão Thần ⁽⁶⁾ chào chư Thiên mạng hướng đạo ⁽⁷⁾ Tam Kỳ
Phổ Độ. Chào toàn thể nam nữ lương giáo hiện tiền.⁽⁸⁾ Nhân
ngày kỷ niệm Đức Văn Tuyên Khổng Thánh,⁽⁹⁾ Lão Thần

⁽⁵⁾ **Đạo nhà:** Đạo Cao Đài, vì xuất sinh từ nước Việt Nam, không phải do nước ngoài truyền vào.

⁽⁶⁾ **Lão Thần:** Xem chú thích (1), tr. 41.

⁽⁷⁾ **Thiên mạng hướng đạo:** Bậc *hướng đạo* 向導 (người dẫn dắt đạo hữu) đang nhận lãnh sứ mạng của Trời (*Thiên mạng* 天命) giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽⁸⁾ **hiện tiền** 現前: Đang ở trước mắt.

⁽⁹⁾ **Khổng Thánh** 孔聖: Đức Thánh họ Khổng (tức là Khổng Tử).

Văn Tuyên 文宣: Một trong những tên thụy 諡 (tên cúng cơm, tên hèm; *posthumous name*) các vua Trung Quốc truy tặng Đức Khổng Tử.

Tuyên có nghĩa là bày ra (*displaying*), tuyên bố (*proclaiming*). Tôn hiệu của Đức Khổng Tử thường kèm theo chữ *Tuyên*. Vào năm 1 đầu Công Nguyên, vua Hán Bình Đế tôn Ngài là *Bao Thành Hầu Tuyên Ni Công*. Ni mượn từ tên tự của Ngài là *Trọng Ni*. Các thế kỷ sau đó, Ngài được tôn là *Tuyên Ni* hay *Tuyên Phụ*. Năm 739 vua Đường Huyền Tông tôn Ngài là *Văn Tuyên Vương*. William Frederick Meyers dịch *Tuyên* là *lỗi lạc* (*illustrious*); dịch *Tuyên Ni*

giáng cơ để trần tố ⁽¹⁰⁾ ít dòng cùng chư nam nữ. Vậy mời đồng đẳng ngồi.

THI

*Trở lại trần gian giữa cảnh này
Tang thương ⁽¹¹⁾ còn đó, núi sông đây
Tâm trường ⁽¹²⁾ gửi gắm tay Thiên mạng
Dựng lại nhà xưa ở Đạo Thầy.*

Lão Thần rất vui mừng được chứng kiến sự hiện diện đông đủ trước điện giờ nay, để hết tâm thành hiến dâng lên Đấng Vạn Thế Sư Biếu, ⁽¹³⁾ và để thể hiện tình tương hòa tương ái ⁽¹⁴⁾ giữa những người đồng bào, đồng đạo.

Công là *Illustrious Duke Ni*; dịch Văn Tuyên là học vấn lỗi lạc (*Illustrious Learning*). Năm 1008, vua Tống Chân Tông tôn Ngài là *Huyền Thánh Văn Tuyên Vương*; năm 1012 lại tôn là *Chí Thánh Văn Tuyên Vương*. Ngài cũng được tôn là *Tuyên Thánh*. (Huệ Khải, *Tìm Hiểu Hai Bài Tiên Thiên Khí Hóa Và Quế Hương Nội Điện*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 70.) Trong đạo Cao Đài, lễ kỷ niệm Đức Văn Tuyên Khổng Thánh được tổ chức hằng năm vào ngày 27 tháng 8 âm lịch.

⁽¹⁰⁾ **trần tố** 陳訴: Bày tỏ, bộc bạch rõ ngọn ngành sự việc.

⁽¹¹⁾ **tang thương** 桑滄: Nói tắt thành ngữ *thương hải [biến vi] tang điền* 滄海[變爲]桑田: Biển xanh biến thành ruộng dâu, ám chỉ biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời (*life's vicissitude*).

⁽¹²⁾ **tâm trường** 心腸: Tim và ruột; ý nói lòng dạ, nỗi niềm.

⁽¹³⁾ **Vạn Thế Sư Biếu** 萬世師表: *Sư* và *biếu* cùng nghĩa là khuôn mẫu để noi theo, mẫu mực để bắt chước (*model, pattern to be imitated*). *Vạn thế* là muôn đời (*all ages*). Đức Khổng Tử là đấng *Vạn Thế Sư Biếu*, tức là gương mẫu để cho muôn đời noi theo (*a good example for ever*).

⁽¹⁴⁾ **tương hòa tương ái** 相和相愛: Hòa hợp với nhau và thương

Cũng trong tinh thần ấy, Lão Thần gửi nơi đây một vài hàng, những mong toàn thể chư Thiên mạng và đạo hữu gẫm suy.

THI BÀI

1. Trước bửu điện trầm hương nhẹ thoảng
Lòng với lòng vệt ánh vô minh ⁽¹⁵⁾
Để thông rõ những lối nhìn
Nhìn người rồi lại nhìn mình thế nào. ⁽¹⁶⁾
2. Người vô lượng ⁽¹⁷⁾ sóng xao biển cả
Đang vẫy vùng thoát họa trần la ⁽¹⁸⁾
Thì mình chế ngự cái ta ⁽¹⁹⁾
Để đem chí nguyện ⁽²⁰⁾ mà ra độ đời.
3. Đời chịu lắm chơi vơi hố thẳm
Vĩ tinh thần còn đắm bể sâu
Tạp ô ⁽²¹⁾ ý thức đeo sầu

yêu nhau.

⁽¹⁵⁾ **áng vô minh**: *Vô minh* 無明 là ngu dốt, tối tăm, không hiểu biết (*ignorant*). Vô minh như áng mây che khuất ánh sáng, do đó nói là áng vô minh (*the cloud of ignorance*).

⁽¹⁶⁾ **thế nào**: Thế nào, ra sao.

⁽¹⁷⁾ **vô lượng** 無量: Không thể đo lường được (*immeasurable*), không thể đếm được (*uncountable*).

⁽¹⁸⁾ **trần la** 塵羅: Lưới trần (*the world's net*). Trần gian như tấm lưới vây hãm con người trong mọi nỗi đau khổ và rất khó thoát ra được.

⁽¹⁹⁾ **cái ta**: Bản ngã của mình (*ego*).

⁽²⁰⁾ **chí nguyện** 志願: Tâm chí và ước nguyện (*will and aspiration*).

⁽²¹⁾ **tạp ô** 雜汙: Lộn xộn, hỗn tạp và dơ bẩn (*confused and dirty*).

Bỏ quên truyền thống nhiệm màu cha ông.

4. Cha ông dạy biết dòng biết giống

Tổ tiên truyền sự sống văn minh

Hòa đồng huynh đệ chi tình ⁽²²⁾

Thuần phong ⁽²³⁾ *rạng vẻ hy sinh sáng màu.*

5. Để vơi bớt niềm đau nỗi khổ

Để thêm nhiều sinh lộ ⁽²⁴⁾ *tinh thần*

Cùng nhau bảo trọng ⁽²⁵⁾ *tứ dân* ⁽²⁶⁾

Cùng nhau xây dựng căn phần ⁽²⁷⁾ *quy nguyên.* ⁽²⁸⁾

6. Có dẹp hết ưu phiền tự nội ⁽²⁹⁾

Có vun bồi gốc cội tình thương

Không phân thành thị thôn hương

Không phân sang cả hay phường cùng đình.

7. Chỉ có một tấm tình Tạo Hóa

Mà không hai nhân ngã ⁽³⁰⁾ *hẹp hòi*

⁽²²⁾ **huynh đệ chi tình** 兄弟之情: Tình anh em. Trong bài này ý nói tình đồng bào, xem nhau là anh em ruột thịt.

⁽²³⁾ **thuần phong** 淳風: Phong tục tốt đẹp.

⁽²⁴⁾ **sinh lộ** 生路: Con đường đem lại sự sống còn (*a way to survive*).

⁽²⁵⁾ **bảo trọng** 保重: Giữ gìn và coi trọng (*protecting and respecting*).

⁽²⁶⁾ **tứ dân** 四民: Bốn hạng người trong xã hội là sĩ, nông, công, thương (*the four social classes, i.e., scholars, peasants, artisans, and merchants*).

⁽²⁷⁾ **căn phần** 根分: Phần căn bản, phần nền tảng.

⁽²⁸⁾ **quy nguyên** 歸源: Trở về nguồn cội.

⁽²⁹⁾ **tự nội** 自內: Từ bên trong.

Từ nơi tốt giống đẹp nòi

Đến nơi nhơn loại cùng khơi nhơn hòa.

8. Thế nhơn hòa Kỳ Ba đã dựng

Để đem về chỗ đứng thanh bình

Cho người, cho Đạo, cho mình

Cho cùng vạn vật, chúng sinh một nguồn. ⁽³¹⁾

Thôi, Đức Quan Thánh vừa đến. Lão Thần tạm biệt nơi đây. Chư Thiên mạng và toàn thể thành tâm nghinh tiếp [Đức Quan Thánh].

Lão Thần chào chung đàn nội. ⁽³²⁾ Thăng.

SUY NIỆM 6

6.1. Đức Chơn Thánh Phan Thanh Giản giảng cơ dạy bài này tại Chí Thiện Đàn (Khổng Thánh Miếu, thuộc Minh Đức Nho Giáo) ở tỉnh Vĩnh Bình. Thời Pháp thuộc, tên tỉnh là Trà Vinh, ⁽³³⁾ được đổi thành Vĩnh Bình do Sắc Lệnh số 143-NV của Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày Thứ Hai 22-10-1956. Sau tháng 4-1975 tỉnh trở lại tên cũ là Trà Vinh (địa giới cũ có thay đổi).

⁽³⁰⁾ **nhân ngã** : Người khác và mình.

⁽³¹⁾ **một nguồn**: Một nguồn gốc sinh ra vạn vật, chúng sinh. Nguồn gốc này là Đạo, là Trời.

⁽³²⁾ **đàn nội** 壇內: Cũng như *đàn trung* 壇中; những người có mặt trong đàn cầu cơ.

⁽³³⁾ Xem *Suy Niệm* 4.3. (tr. 94).



Khổng Thánh Miếu (Minh Đức Nho Giáo, Trà Vinh). Ảnh do Hiền tỷ Chơn Điền Huỳnh Kim Chi (môn sanh Minh Đức Nho Giáo) tặng HK.

Minh Đức Nho Giáo hình thành qua cơ bút, khởi đầu từ năm 1932 tại Ba Động, làng Trường Long Hòa, quận Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Người có công gây dựng buổi ban sơ là tiền bối Ngô Nghiêm Sanh, thánh danh Chơn Minh Sanh, tạ thế năm 1980, đắc quả vị Thiên Minh Quang Bồ Tát. Cùng góp công đức gây dựng là tiền bối Ngô Minh Bè (bào huynh tiền bối Sanh) đắc quả vị Huỳnh Quang Bồ Tát.

Do lệnh Ôn Trên qua cơ bút, Minh Đức Nho Giáo cất Khổng Thánh Miếu ở Trà Vinh, mở Chí Thiện Đàn (ở Trà Vinh) và Tân Dân Đàn (ở Nha Rộn, Bạc Liêu; sau dời về Sài Gòn) để Ôn Trên dạy đạo qua cơ bút.⁽³⁴⁾

6.2. Đức Phan Chơn Thánh giáng đàn vào giờ Tuất, ngày 26-8 Nhâm Tý (Thứ Ba 03-10-1972); hôm sau là lễ kỷ niệm Đức Văn Tuyên Khổng Thánh được Minh Đức Nho Giáo tổ chức tại Khổng Thánh Miếu. Bởi vậy Đức Thánh dạy: *Nhân ngày kỷ niệm Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, Lão Thần giáng cơ để trần tố ít dòng cùng chư nam nữ.*

Trước khi Đức Phan Chơn Thánh lâm cơ, vị Thần trấn nhậm tại địa phương là Thần Hoàng Bốn Cảnh đến báo đàn, xưng danh qua bài tứ tuyệt quán thủ, đọc theo âm Hán Việt. Lê Anh Minh chuyển sang chữ Nho, và giảng nghĩa như sau:

THẦN thị vô phương nãi diệu huyền 神是無方乃妙玄: Thần không có phương hướng cố định, đó là điều huyền diệu.

Kinh Dịch (Hệ Từ Thượng Truyện, Chương IV, Tiết 4) nói *Thần vô phương*, nghĩa là Thần không bị hạn chế nơi nào cả.

⁽³⁴⁾ Huệ Khải, *Hồ Biểu Chánh Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 57.

HOÀNG Hà cổ đại, Đạo thư truyền 黄河古代道書傳: Từ thời cổ, ở (sông) Hoàng Hà truyền sách dạy Đạo (tức là Hà Đồ trên thân con long mã).

BỔN căn do tại minh minh đức 本根由在明明德: Bản căn của ta do ở làm sáng cái đức sáng của mình. (Cái đức sáng của mình lâu nay bị che lấp; hể mình làm sáng cái đức sáng ấy thì thấy được bản căn của mình. Bản căn cũng như bản thể, tự tánh, bản tánh...)

CẢNH đối ư tâm lý nhứt nguyên 境對於心理一元: (Khi thấy được bản căn thì) không còn phân biệt tâm và cảnh, giữa tâm và cảnh chỉ có một lý (nghĩa là tâm và cảnh không hai; tâm không còn bị cảnh chi phối).

Tại Vĩnh Nguyên Tự (xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), ngày 15-3 Bính Thìn (Thứ Tư 14-4-1976), Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

Nếu tâm bị cảnh chi phối như dòng thác lũ cuốn lôi bao nhiêu căn bã cuộc đời trôi theo cuồn cuộn, thì dầu tuổi đạo là bao, tuổi đời là mấy chẳng nữa, có chi gọi là chơn thường chi tánh ⁽³⁵⁾ *của người hành giả đang tìm đường để tự giải thoát và giải thoát cho cuộc đời.*

Mỗi một người tu là một thí sinh; thi đậu là thoát kiếp phàm phu, vào hàng Tiên Thánh. Mà đề thi của người tu là gì? Đức Bác Nhã Thiền Sư trả lời: *Đề thi chỉ có tâm và cảnh / Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên.* ⁽³⁶⁾

⁽³⁵⁾ **chơn thường chi tánh:** Tánh hằng thường, không biến dịch, không điên đảo.

⁽³⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, 07-12 Nhâm Tý (Thứ Tư 10-01-1973).

Thật ra, tâm và cảnh là một đề tài không thể nói quá sơ sài như trên.⁽³⁷⁾

6.3. Qua bài thánh giáo này, Đức Phan Chơn Thánh nhắn nhủ người Việt Nam (trong đó có người đạo Cao Đài) hãy biết giữ gìn và vun đắp vốn cũ (*nền xưa*) của tổ tiên truyền lại, vì đó là tiền đề (*precondition*) để nước Việt Nam và đạo Cao Đài được rạng danh rõ tiếng trong hoàn vũ: *Nền xưa vun đắp nhờ con cháu / Cho rạng năm châu, rạng Đạo nhà.*

Trước tệ trạng xã hội (*Tạp ô ý thức đeo sầu*), Đức Phan Chơn Thánh soi cho thấy nguyên nhân tác hại: *Bỏ quên truyền thống nhiệm màu cha ông.*

Dù đã về cõi thiêng liêng hằng sống, Đức Phan Chơn Thánh vẫn mang mẽ tình dân nghĩa nước một thuở bình sanh. Giờ đây, qua ngọn linh cơ, ngài đem gan ruột tỏ bày, tha thiết nói với hàng hướng đạo Kỳ Ba đang thọ sứ mạng thế Thiên hành hóa: *Tâm trường gởi gắm tay Thiên mạng / Dựng lại nhà xưa ở Đạo Thầy.*

Bài thánh giáo này và bài *Đi Về Đâu Việt Nam Oi!* (tr. 97) cùng chung một chủ đề tư tưởng cho thấy tính nhân bản Cao Đài (*Caodai humanistic features*):

Đi về đâu Việt Nam ơi!

Về nơi nhân bản của Trời trước kia.

Phú Nhuận, 11-10-2018

⁽³⁷⁾ Quý đạo hữu có thể tham khảo: Diệu Nguyên, “*Đề Thi Chỉ Có Tâm Và Cảnh*”, in trong *Đại Đạo Văn Uyển*, Tập Nguyên (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 83-101).

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.

Một số sách của Huệ Khải đã ấn tổng: 01-3. ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI, 2008 [in 2 lần], 2012 • 02-3. NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN, 2008, 2009, 2012 • 04-2. LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI, 2008, 2010 • 05-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI, 2008, 2010, 2012 • 06-2. ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI, 2008, 2010 • 07-1. CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN, với Đạt Linh, Đạt Truyền, 2008 • 12-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI, 2009, 2010, 2011 • 15-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI, với Thanh Căn, 2009, 2010, 2011 • 16-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO, 2009, 2010 • 22-2. TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI, 2010, 2013 • 27-2. HÀNH TRẠNG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT, với Cao Bạch Liên, 2010, 2012 • 28-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH, 2010, 2012 • 30-2. MỘT DÒNG BÁT NHẢ, 2010, 2013 • 31-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU, 2010, 2011 • 39-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN, 2011, 2012 • 42-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI, 2011, 2013 • 43-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH, 2011, 2012 • 44-2. ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ, 2011, 2013 • 45-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, 2011 • 47-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI, 2011 • 48-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC, 2011, 2013 • 52-3. TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ, 2012, 2013, 2017 • 53-1. CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950), 2012 • 54-2. BẮC CẦU TÂM LINH, 2012, 2013 • 55-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN, 2012, 2013 • 59-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY, 2013 • 62-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ, với Lê Anh Minh, 2013 • 69-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN, 2013 • 71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY, 2014 • 72-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY, 2014 • 74-1. HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ, 2014 • 77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ, 2014, 2017 • 79-1. NGŨ GIỚI CẨM XƯA VÀ NAY, 2014 • 80-1. VẠN HẠNH THIÊN SỬ XƯA VÀ NAY, 2014 • 84-1. NẾO VỀ TÂM LINH, 2014 • 85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI, 2014 • 87-1. NGỌN NẾN NÀO KHÔNG TẮT, 2015 • 89-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG, với Thiện Quang, 2015 • 91-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐÔ HÀ NỘI, 2015 • 93-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN (1920-1926), 2017 • 94-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO (1926), 2015 • 95-1. HÀNH TRẠNG TIÊN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG (1881-1951), 2016 • 96-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI, 2015 • 99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI, 2016 • 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO, 2016 • 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU, 2016 • 103-1. HÀNH TRẠNG TIÊN KHAI LÊ VĂN TRUNG (1876-1934), 2017 • 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO, 2017 • 106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI, 2017 • 107-1. CAO CAO ĐẮNG NÚI, 2017 • 108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN, 2017 • 110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI, 2017 • 111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI, 2017 • 112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI, 2017 • 113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI, 2017 • 114-1. GỞI LẠI CHO ĐỜI, 2018 • 116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO, 2018 • 118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*, 2018 • 119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY, 2018.

Ghi chú: **119-1** tức là quyển 119, in lần thứ nhất. **15-3** tức là quyển 15, in lần thứ ba.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY

Tác giả: HUỆ KHẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh
Trình bày sách & vẽ bìa 1: Ngô Bái Thiên
Ảnh bìa 1: Jacques-Philippe Potteau (Pháp, 1807-1876)
chụp tại Paris năm 1863
Bìa 4: Huệ Khải Văn Tập 慧啓文集
Thư pháp: Trương Lộ 張路

In 2.500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 3527-2018/CXBIPH/05-81/HĐ
Số QĐXB của NXB: 1319/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 24-10-2018.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-5461-1